**BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3, TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN ĐỌC KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG TÀI LIỆU NÀY VÀ QUY CHẾ ĐẤU GIÁ TRƯỚC KHI ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐẤU GIÁ.**

# BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

## BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU
## CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ**

**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: Số 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 3821 7713 Fax: (028) 3821 7452

**TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Điện thoại: (0254) 387 6927 Fax: (0254) 387 6930

**TỔ CHỨC TƯ VẤN IPO**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT**

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Bitexco Financial Tower, số 2 Hải Triều, quận 1, Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3914 3588 Fax: (028) 3914 3209

**Chi nhánh Hà Nội:**

Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà 109 Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (024) 6262 6999 Fax: (024) 6278 2688

**CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC**

Địa chỉ: Tầng 14,15 & 16 Tháp B, tòa nhà EVN - 11 Cửa Bắc, P. Trúc Bạch, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 2222.9999 Fax: (024) 2222.1999

**Tháng 01 năm 2018**

## MỤC LỤC

**PHẦN 1: LỜI NÓI ĐẦU ..... 4**

**PHẦN 2: THÔNG TIN CHUNG LIÊN QUAN TỚI ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ ..... 7**

1. CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ ..... 7

1.1. Cơ sở pháp lý về cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước ..... 7

1.2. Cơ sở pháp lý về cổ phần hóa Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Phát điện 3 ..... 8

2. CÁC TỔ CHỨC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN ..... 9

2.1. Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần ..... 9

2.2. Tổ chức phát hành ..... 9

2.3. Tổ chức tư vấn ..... 10

3. CÁC KHÁI NIỆM, TỪ VIẾT TẮT ..... 10

4. CÁC TUYÊN BỐ CÓ TÍNH CHẤT TƯƠNG LAI ..... 12

**PHẦN 3: TÌNH HÌNH CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA ..14**

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA ..... 14

1.1. Giới thiệu chung về doanh nghiệp cổ phần hóa ..... 14

1.2. Ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh ..... 15

1.3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu ..... 17

1.4. Quá trình hình thành và phát triển ..... 17

1.5. Cơ cấu tổ chức và quản lý ..... 18

1.6. Các đơn vị trực thuộc, các công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư tài chính dài hạn ..... 20

1.7. Thông tin các nhà máy điện đang vận hành ..... 22

1.8. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang Công ty cổ phần ..... 22

1.9. Đánh giá chất lượng nguồn nhân lực ..... 23

2. GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA VÀ GIÁ TRỊ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP ..... 24

2.1. Giá trị thực tế của doanh nghiệp và giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp 24

2.2. Tài sản loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp ..... 28

2.3. Một số vấn đề cần lưu ý liên quan đến giá trị doanh nghiệp để CPH ..... 28

3. TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA ..... 29

3.1. Thực trạng về tài sản cố định ..... 29

3.2. Đất đai Tổng công ty đang quản lý và sử dụng ..... 30

4. TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA ..... 31

4.1. Tình hình hoạt động kinh doanh ..... 31

4.2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của EVNGENCO 3 ..... 41
4.3. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty mẹ - Tổng công ty Phát điện 3 ..... 42
4.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của EVNGENCO 3 ..... 45
4.5. Vị thế của EVNGENCO 3 so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành ..... 45
**PHẦN 4: CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA EVNGENCO 3 SAU CỔ PHẦN HÓA ..... 49**
1. GIỚI THIỆU VỀ DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA ..... 49
1.1. Thông tin cơ bản ..... 49
1.2. Ngành nghề kinh doanh ..... 49
1.3. Mô hình tổ chức sau khi cổ phần hóa ..... 50
1.4. Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa ..... 52
2. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ ..... 61
2.1. Vốn điều lệ ..... 61
2.2. Cơ cấu vốn điều lệ ..... 61
3. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA ..... 62
3.1. Phân tích thuận lợi, khó khăn và cơ hội, thách thức ..... 62
3.2. Chiến lược phát triển doanh nghiệp ..... 64
3.3. Định hướng phát triển giai đoạn 2018-2027 ..... 66
3.4. Kế hoạch thoái vốn của EVNGENCO 3 ..... 70
3.5. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, mục tiêu và giải pháp thực hiện ..... 70
**PHẦN 5: THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN ..... 75**
1. CÁC RỦI RO DỰ KIẾN ..... 75
1.1. Rủi ro về kinh tế ..... 75
1.2. Rủi ro đặc thù ..... 75
1.3. Rủi ro về tỷ giá hối đoái ..... 76
1.4. Rủi ro pháp lý ..... 76
1.5. Rủi ro của đợt phát hành ..... 76
1.6. Rủi ro khác ..... 77
2. PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN ..... 78
2.1. Bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng ..... 78
2.2. Chào bán cổ phần cho người lao động ..... 79
2.3. Chào bán cho nhà đầu tư chiến lược ..... 82
3. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ CỔ PHẦN HÓA ..... 85
4. LỘ TRÌNH NIÊM YẾT, ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH SAU CỔ PHẦN HÓA ..... 87

5. CÁC BÊN CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN ..... 87
5.1. Đại diện Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ -Tổng công ty Phát điện 3 ..... 87
5.2. Đại diện Tổ chức phát hành ..... 87
5.3. Đại diện Tổ chức tư vấn ..... 87
**PHẦN 6: KẾT LUẬN ..... 88**

## PHẦN 1: LỜI NÓI ĐẦU

Bản công bố thông tin này nhằm mục đích công bố thông tin phục vụ việc bán đấu giá cổ phần lần đầu theo hình thức đấu giá công khai, là một nội dung của quá trình cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Phát điện 3 (EVNGENCO 3).

Với tư cách là Tổ chức công bố thông tin và Tổ chức phát hành cổ phần theo Bản công bố thông tin này, EVNGENCO 3 đề nghị các nhà đầu tư dựa vào các thông tin được trình bày trong (i) Bản công bố thông tin này, (ii) mẫu Đơn đăng ký đấu giá cổ phần và (iii) Quy chế đấu giá do Tổ chức thực hiện đấu giá ban hành để đưa ra quyết định đầu tư của mình. EVNGENCO 3 chưa ủy quyền cho bất cứ tổ chức/cá nhân nào cung cấp cho nhà đầu tư các thông tin được trình bày trong Bản công bố thông tin này. Các nhà đầu tư không nên dựa vào bất kỳ thông tin hoặc tuyên bố nào không được trình bày trong các tài liệu liệt kê trên đây. Ngoài ra, nếu các nhà đầu tư có nghi ngờ về bất kỳ nội dung hay thông tin nào được trình bày trong Bản công bố thông tin này, các nhà đầu tư nên hỏi ý kiến của EVNGENCO 3 cũng như của các tổ chức tư vấn độc lập.

EVNGENCO 3 là doanh nghiệp do EVN sở hữu 100% vốn điều lệ (EVN là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước) và đang trong quá trình thực hiện cổ phần hóa theo hình thức giữ nguyên vốn Nhà nước hiện có tại EVNGENCO 3 và phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.

Tổng công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần được thành lập sau khi cổ phần hóa sẽ kế thừa các quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Phát điện 3 hiện nay theo quy định của pháp luật. Tổng công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần sẽ có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, có con dấu riêng, được mở tài khoản theo quy định của pháp luật, được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ công ty, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

Việc phát hành cổ phần theo hình thức đấu giá theo Bản công bố thông tin này là một phần của quá trình cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Phát điện 3, góp phần hình thành Tổng công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần. Các nhà đầu tư mua cổ phần theo Bản công bố thông tin này sẽ trở thành cổ đông của Tổng công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần và có đầy đủ quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo Điều lệ tổ chức và hoạt động công ty và quy định của pháp luật.

**TÓM TẮT THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3**

## 1. Thông tin liên quan đến việc bán đấu giá cổ phần lần đầu

| | |
|---|---|
| Tên tổ chức phát hành: | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 |
| Trụ sở chính: | Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam |
| Tổng số lượng cổ phần đấu giá công khai | **267.051.900** cổ phần |
| Loại cổ phần chào bán | Cổ phần phổ thông |
| Mệnh giá | 10.000 đồng |
| Giá khởi điểm: | **24.600** đồng |
| Phương thức phát hành | Đấu giá công khai |
| Vốn điều lệ dự kiến | **20.809.000.000.000** đồng |

*Nguồn: Phương án cổ phần hóa EVNGENCO 3*

## 2. Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến:

| TT | Nội dung | Số cổ phần (cổ phần) | Giá trị theo mệnh giá (đồng) | Tỷ lệ (%) |
|---|---|---|---|---|
| 1 | CP EVN nắm giữ tại CTCP | 1.061.300.000 | 10.613.000.000.000 | 51,00 |
| 2 | Cổ phần bán cho Người lao động | 3.424.100 | 34.241.000.000 | 0,1645 |
| 2.1 | Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động | 1.544.300 | 15.443.000.000 | 0,0742 |
| 2.2 | Cổ phần bán theo cam kết làm việc | 1.879.800 | 18.798.000.000 | 0,0903 |
| 3 | Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược | 749.124.000 | 7.491.240.000.000 | 36,00 |
| 4 | Cổ phần bán cho nhà đầu tư khác (IPO) | 267.051.900 | 2.670.519.000.000 | 12,8355 |
| | **Tổng cộng** | **2.080.900.000** | **20.809.000.000.000** | **100** |

*Nguồn: Phương án cổ phần hóa EVNGENCO 3*

- **Phương thức đấu giá:** Đấu giá công khai tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.
- **Đối tượng tham gia:** Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đáp ứng điều kiện theo quy định của Quy chế bán đấu giá cổ phần của EVNGENCO 3.
- **Địa điểm cung cấp Bản công bố thông tin đấu giá:** Tại các đại lý đấu giá được công bố trong Quy chế bán đấu giá. Bản công bố thông tin còn được chuyển tải trên website: www.hsx.vn, www.vcsc.com.vn, www.evnfc.vn, www.evn.com.vn, www.genco3.com và website của các đại lý đấu giá;
- **Địa điểm đăng ký tham dự đấu giá:** Tại các đại lý đấu giá được công bố trong Quy chế bán đấu giá cổ phần của EVNGENCO 3.
- **Thời gian nộp đơn đăng ký tham dự, nộp tiền đặt cọc và nhận phiếu đấu giá:** Theo quy định trong Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu của EVNGENCO 3.
- **Quy định về nộp tiền đặt cọc:** Theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần của EVNGENCO 3.
- **Thời gian các đại lý nhận phiếu tham dự đấu giá:** Theo quy định trong Quy chế bán đấu giá cổ phần của EVNGENCO 3.
- **Địa điểm tổ chức đấu giá:**

**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: Số 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 3821 7713 Fax: (028) 3821 7452

- **Phương thức thanh toán, thời hạn thanh toán tiền mua cổ phần và nhận lại tiền đặt cọc do không mua được cổ phần:** Theo quy định trong Quy chế bán đấu giá cổ phần của EVNGENCO 3.

## PHẦN 2: THÔNG TIN CHUNG LIÊN QUAN TỚI ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ

### 1. CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ

#### 1.1. Cơ sở pháp lý về cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước

- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59;
- Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu được từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành Công ty cổ phần;
- Thông tư số 115/2016/TT-BTC sửa đổi Thông tư 196/2011/TT-BTC hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;
- Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc Hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Quyết định số 817/QĐ-BLĐTBXH ngày 28/5/2013 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc đính chính Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg ngày 28/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước và danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016 – 2020.

- Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ quyết định một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của DNNN.

### 1.2. Cơ sở pháp lý về cổ phần hóa Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Phát điện 3

- Quyết định số 1782/QĐ-TTg ngày 23/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Điện lực Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015.
- Thông báo số 227/TB-VPCP ngày 02/7/2013 của Văn phòng Chính phủ về ý kiến kết luận của Thủ tướng chính phủ Nguyễn Tấn Dũng về bán tiếp phần vốn Nhà nước ở doanh nghiệp đã CPH, trong đó nêu: "Tiếp tục bán phần vốn Nhà nước tại các doanh nghiệp đã CPH còn vốn Nhà nước nhưng không thuộc diện Nhà nước cần nắm giữ cổ phần chi phối. Các bộ, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, tập đoàn kinh tế, Tổng Công ty Nhà nước căn cứ quy định của pháp luật, tình hình thị trường và sản xuất kinh doanh để xây dựng kế hoạch bảo đảm thực hiện bán phần vốn Nhà nước tại các doanh nghiệp này có hiệu quả".
- Quyết định số 852/QĐ-TTg ngày 14/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tổng thể sắp xếp, tái cơ cấu doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam giai đoạn 2017-2020.
- Công văn số 7738/VPCP-ĐMDN ngày 03/10/2014 của Văn phòng Chính phủ về việc cổ phần hóa Tổng Công ty Phát điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
- Công văn số 8974/VPCP-ĐMDN ngày 02/11/2015 của Văn phòng Chính phủ về cơ chế trước khi cổ phần hóa các Tổng Công ty Phát điện thuộc EVN.
- Quyết định số 9494/QĐ-BCT ngày 22/10/2014 của Bộ Công Thương về việc cổ phần hóa Công ty Mẹ - Tổng Công ty Phát điện 3.
- Về Ban chỉ đạo: Quyết định số 822/QĐ-EVN ngày 04/12/2014 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hoá Công ty mẹ - Tổng Công ty Phát điện 3; Quyết định số 88/QĐ-EVN ngày 06/4/2015 về việc thay thế Trưởng ban chỉ đạo CPH, Quyết định số 128/QĐ-EVN ngày 20/7/2015 về việc thay thế Phó Trưởng ban chỉ đạo CPH và các Quyết định thay đổi/bổ sung thành viên Ban chỉ đạo CPH: Quyết định số 233/QĐ-HĐTV ngày 16/12/2015, Quyết định số 34/QĐ-EVN ngày 10/3/2016, Quyết định số 100/QĐ-EVN ngày 19/5/2016, Quyết định số 80/QĐ-EVN ngày 02/6/2017, Quyết định số 68/QĐ-EVN ngày 16/5/2017.

- Về Tổ giúp việc: Quyết định số 823/QĐ-EVN ngày 04/12/2014của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc thành lập Tổ giúp việc; các Quyết định bổ sung thành viên Tổ giúp việc gồm: Quyết định số 87/QĐ-EVN ngày 06/4/2015, Quyết định số 129/QĐ-EVN ngày 20/7/2015, Quyết định số 18/QĐ-EVN ngày 05/02/2016 và Quyết định số 69/QĐ-EVN ngày 16/5/2017.
- Văn bản số 1702/TTg-ĐMDN ngày 28/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc đề nghị Kiểm toán Nhà nước tiến hành kiểm toán kết quả tư vấn định giá và xử lý các vấn đề tài chính trước khi công bố GTDN CPH EVNGENCO 3.
- Văn bản số 341/KTNN-TH ngày 15/8/2017 của Kiểm toán Nhà nước về kiểm toán kết quả tư vấn định giá và xử lý các vấn đề tài chính trước khi công bố GTDN CPH.
- Quyết định số 3396/QĐ-BCT ngày 31/8/2017 của Bộ Công thương về việc xác định giá trị Công ty mẹ - Tổng công ty Phát điện 3 thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam để cổ phần hóa.
- Quyết định số 2100/QĐ-TTg ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Phát điện 3 (trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam).
- Căn cứ văn bản số 33/BCT-TC ngày 03/01/2018 của Bộ Công Thương về việc triển khai Quyết định số 2100/QĐ-TTg ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về công tác cổ phần hóa EVNGENCO 3.

## 2. CÁC TỔ CHỨC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN

### 2.1. Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần

**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Tên tiếng Anh : HOCHIMINH STOCK EXCHANGE

Trụ sở : Số 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại : (028) 3821 7713

Fax : (028) 3821 7452

Website : www.hsx.vn

### 2.2. Tổ chức phát hành

**CÔNG TY TNHH MTV - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3**

Tên tiếng Anh : POWER GENERATION CORPORATION 3

| | | |
|---|---|---|
| Tên viết tắt | : | EVNGENCO 3 |
| Trụ sở | : | Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam |
| Điện thoại | : | (0254) 387 6927 |
| Fax | : | (0254) 387 6930 |
| Website | : | www.genco3.com |

### 2.3. Tổ chức tư vấn

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT**

| | | |
|---|---|---|
| Trụ sở | : | Tầng 15, Tòa nhà Bitexco Financial Tower, số 2 Hải Triều, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh |
| Điện thoại | : | (028) 3914 3588 |
| Fax | : | (028) 3914 3209 |
| Website | : | www.vcsc.com.vn |

**Chi nhánh Hà Nội**

| | | |
|---|---|---|
| Địa chỉ | : | Tầng 6, Tòa nhà 109 Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội |
| Điện thoại | : | (024) 6262 6999 |
| Fax | : | (024) 6278 2688 |

**CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC**

| | | |
|---|---|---|
| Địa chỉ | : | Tầng 14,15 & 16 Tháp B, tòa nhà EVN - 11 Cửa Bắc, P. Trúc Bạch, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội |
| Điện thoại | : | (024) 2222.9999 |
| Fax | : | (024) 2222.1999 |
| Website | : | www.evnfc.vn |

## 3. CÁC KHÁI NIỆM, TỪ VIẾT TẮT

Các từ hoặc nhóm từ được viết tắt trong Bản công bố thông tin:

EVNGENCO 3 : Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Phát điện 3

| | |
|---|---|
| Tổng công ty | : Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Phát điện 3 |
| TCT | : Tổng công ty |
| TNHH | : Trách nhiệm hữu hạn |
| MTV | : Một thành viên |
| GTDN | : Giá trị doanh nghiệp |
| CBCNV | : Cán bộ công nhân viên |
| CBSX | : Cán bộ sản xuất |
| CMNV | : Chuyên môn nghiệp vụ |
| NMNĐ | : Nhà máy nhiệt điện |
| NMĐ | : Nhà máy điện |
| NSNN | : Ngân sách nhà nước |
| QL | : Quản lý |
| QLDA | : Quản lý dự án |
| QLDN | : Quản lý doanh nghiệp |
| SXKD | : Sản xuất kinh doanh |
| TBK | : Tuabin khí |
| TLBQ | : Tiền lương bình quân |
| TNHH MTV | : Trách nhiệm hữu hạn một thành viên |
| ĐTXD | : Đầu tư xây dựng |
| UBND | : Ủy ban nhân dân |
| CTCP | : Công ty cổ phần |
| CP | : Cổ phần |
| CPH | : Cổ phần hóa |
| BCĐ | : Ban chỉ đạo |
| CĐCL | : Cổ đông chiến lược |
| CNĐKDN | : Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp |

| | |
|---|---|
| CNQSDĐ | : Chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất |
| VAS | : Chuẩn mực kế toán Việt Nam |
| VCSC | : Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt |
| HĐSXKD | : Hoạt động sản xuất kinh doanh |
| QSDĐ | : Quyền sử dụng đất |
| LNST | : Lợi nhuận sau thuế |
| NĐ | : Nhiệt điện |
| TĐ | : Thủy điện |
| XDCB | : Xây dựng cơ bản |
| KHCN | : Khoa học công nghệ |
| NĐT | : Nhà đầu tư |
| SLĐ | : Sản lượng điện |

## 4. CÁC TUYÊN BỐ CÓ TÍNH CHẤT TƯƠNG LAI

Bản công bố thông tin này trình bày một số tuyên bố có tính chất tương lai liên quan đến các kế hoạch, ý định, sự tin tưởng, dự kiến và các dự đoán của EVNGENCO 3 về tương lai, đặc biệt trong Phần "Chiến lược phát triển của EVNGENCO 3 sau cổ phần hóa". Về bản chất, các tuyên bố có tính chất tương lai đó hàm chứa yếu tố rủi ro và có thể sẽ không chắc chắn chính xác trong tương lai.

Ngoài những nội dung khác, các tuyên bố có tính chất tương lai trình bày trong Bản công bố thông tin này bao gồm các tuyên bố liên quan đến:

- Mô hình tổ chức hoạt động sau cổ phần hóa;
- Cơ cấu vốn điều lệ;
- Chiến lược phát triển doanh nghiệp sau cổ phần hóa;

Ngoài ra, các tuyên bố về tình hình tài chính, mục tiêu và chiến lược, bộ máy quản lý điều hành, định hướng kinh doanh sau cổ phần hóa; sự hợp tác, quan hệ của EVNGENCO 3 với nhà đầu tư chiến lược và khả năng của nhà đầu tư chiến lược trong việc hỗ trợ EVNGENCO 3 phát triển hoạt động kinh doanh, thực hiện các cải cách về quản trị doanh nghiệp; kế hoạch và giải pháp thực hiện của EVNGENCO 3 cũng là các tuyên bố có tính chất tương lai. Trong một số trường

hợp, EVNGENCO 3 sử dụng các từ như "sẽ", "tin tưởng", "dự đoán", "dự kiến", "dự định", "có thể", "kế hoạch", "khả năng", "rủi ro", "nên", "có thể sẽ" và các từ tương tự khác để xác định các tuyên bố có tính chất tương lai.

Mặc dù EVNGENCO 3 tin tưởng rằng các dự kiến được phản ánh trong các tuyên bố có tính chất tương lai là hợp lý nhưng EVNGENCO 3 không thể cam kết rằng các dự kiến đó sẽ được chứng minh là chắc chắn xảy ra.

Ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật đối với Công ty cổ phần, công ty đại chúng và doanh nghiệp niêm yết sau này, EVNGENCO 3 không có nghĩa vụ phải cập nhật, công khai hoặc sửa đổi các tuyên bố có tính chất tương lai được trình bày trong Bản công bố thông tin này, dù xuất phát từ nguyên nhân có các thông tin mới, các sự kiện xảy ra trong tương lai hoặc do các nguyên nhân khác hay không. Các nhà đầu tư cần lưu ý đến tuyên bố có tính chất cảnh báo này khi xem xét các tuyên bố có tính chất tương lai được trình bày trong Bản công bố thông tin.

## PHẦN 3: TÌNH HÌNH CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

#### 1.1. Giới thiệu chung về doanh nghiệp cổ phần hóa

| | | |
|---|---|---|
| Tên tiếng Việt | : | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 |
| Tên tiếng Anh | : | POWER GENERATION CORPORATION 3 |
| Tên giao dịch | : | TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 |
| Tên viết tắt | : | EVNGENCO 3 |
| Trụ sở chính | : | Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. |
| Điện thoại | : | (0254) 387 6927 |
| Fax | : | (0254) 387 6930 |
| Email | : | genco3@evn.com.vn |
| Website | : | www.genco3.com |
| Logo | : | EVNGENCO 3 |
| Giấy CNĐKKD | : | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502208399, đăng ký lần đầu ngày 26/11/2012; sửa đổi lần 3 ngày 27/02/2017 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu |
| Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502208399, đăng ký lần đầu ngày 26/11/2012; sửa đổi lần 3 ngày 27/02/2017 tại Sở Kế | : | **12.618.000.000.000 đồng** (Bằng chữ: Mười hai ngàn sáu trăm mười tám tỷ đồng) |

hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

| | | |
|---|---|---|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu theo BCTC riêng (Công ty mẹ) đã kiểm toán năm 2016 | : | 10.561.944.694.725 đồng (Bằng chữ: Mười nghìn năm trăm sáu mươi mốt tỷ, chín trăm bốn mươi bốn triệu, sáu trăm chín mươi bốn nghìn, bảy trăm hai mươi lăm đồng) |

### 1.2. Ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của EVNGENCO 3 bao gồm:

| STT | Tên ngành |
|---|---|
| 1 | Sản xuất, truyền tải và phân phối điện<br>Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh điện năng; Sản xuất và kinh doanh cơ khí điện lực |
| 2 | Sửa chữa thiết bị điện<br>Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, nâng cấp, cải tạo thiết bị điện, công trình điện |
| 3 | Sửa chữa máy móc, thiết bị<br>Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng cơ khí |
| 4 | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật<br>Chi tiết: Thí nghiệm, hiệu chỉnh, điều khiển tự động hóa thuộc dây chuyền sản xuất điện, thí nghiệm điện |
| 5 | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Tư vấn hoạt động chuẩn bị sản xuất cho các nhà máy điện; Lập dự án đầu tư xây dựng; tư vấn quản lý dự án; Quản lý đầu tư xây dựng các công trình; Giám sát các công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng - công nghiệp; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp |
| 6 | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng và |

| | |
|---|---|
| | sửa chữa thiết bị nhà máy điện (Doanh nghiệp chỉ đươc phép hoạt động khi được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện) |
| 7 | Buôn bán chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Kinh doanh nhiên liệu, nguyên vật liệu, vật tư thiết bị nghành điện |
| 8 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Thi công xây lắp các công trình xây dựng bao gồm: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng |
| 9 | Xây dựng nhà các loại |
| 10 | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác |
| 11 | Khai thác và thu gom than non |
| 12 | Khai thác và thu gom than bùn |
| 13 | Khai thác và thu gom than cứng |
| 14 | Khai thác khí đốt tự nhiên |
| 15 | Khai thác dầu thô |
| 16 | Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế<br>Chi tiết: Chế biến dầu thô |
| 17 | Sản xuất sắt, thép, gang |
| 18 | Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan |
| 19 | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét |
| 20 | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao |
| 21 | Sản xuất sản phẩm chịu lửa |
| 22 | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép |

| | |
|---|---|
| | Chi tiết: Mua bán đồ dùng bảo hộ lao động |
| 23 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Cho thuê đất, cho thuê nhà |
| 24 | Quản lý, vận hành dây chuyền sản xuất điện, công trình điện; Khai thác và chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất điện; Sản xuất vật liệu dùng để cách nhiệt bằng thủy tinh; Sản xuất vật liệu cách nhiệt, cách điện |
| 25 | Khai thác, xử lý và cung cấp nước |

### 1.3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu

Sản phẩm chủ yếu của EVNGENCO 3 là sản xuất điện năng.

### 1.4. Quá trình hình thành và phát triển

Tổng công ty Phát điện 3 được thành lập theo Quyết định số 3025/QĐ-BCT ngày 01/06/2012 của Bộ Công Thương và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502208399, đăng ký lần đầu ngày 26/11/2012; sửa đổi lần 3 ngày 27/02/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, trên cơ sở tổ chức sắp xếp lại Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Phú Mỹ, các công ty phát điện hạch toán phụ thuộc, các ban quản lý dự án nguồn điện và tiếp nhận quyền đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại một số công ty phát điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam đang hoạt động theo luật doanh nghiệp.

Các dấu mốc quan trọng trong quá trình phát triển của Tổng công ty Phát điện 3 như sau:

- **Năm 2013**: Thành lập **(1)** Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân, **(2)** Ban QLDA Nhiệt điện Thái Bình.

- **Năm 2014**: Thành lập Ban Kiểm soát nội bộ EVNGENCO 3; Bàn giao Ban QLDA Thủy điện 1 và Công ty Thủy điện Huội Quảng - Bản Chát về lại EVN.

- **Năm 2015**: Thành lập Công ty Nhiệt điện Mông Dương (kiêm Ban QLDA Nhiệt điện 1); tiếp nhận Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức từ EVNGENCO 2; chuyển chủ đầu tư dự án Vĩnh Tân 4 về lại EVN từ ngày 01/5/2015.

- **Năm 2016**: Thành lập **(1)** Công ty Dịch vụ Sửa chữa các Nhà máy điện EVNGENCO 3, **(2)** Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ; **(3)** Ban An toàn (tách ra từ Ban Kỹ thuật - Sản xuất).

**- Năm 2017**: Thành lập Công ty Nhiệt điện Thái Bình (kiêm Ban QLDA Nhiệt điện Thái Bình); Đổi tên Ban Đầu tư-Xây dựng thành Ban Quản lý Đầu tư xây dựng; Đổi tên Ban Kiểm soát nội bộ thành Ban Kiểm toán nội bộ và Giám sát tài chính, giải thể Ban Quan hệ Quốc tế.

### 1.5. Cơ cấu tổ chức và quản lý

Công ty mẹ - Tổng Công ty Phát điện 3 là Công ty TNHH MTV, hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con, do Tập đoàn Điện lực Việt Nam sở hữu 100% vốn điều lệ, được thành lập trên cơ sở tổ chức, sắp xếp lại Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Phú Mỹ, các công ty phát điện hạch toán phụ thuộc, các Ban quản lý các dự án nguồn điện và tiếp nhận quyền đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại một số công ty phát điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

EVNGENCO 3 hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, có tư cách pháp nhân, có con dấu, biểu tượng, điều lệ tổ chức và hoạt động, có chi nhánh, văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng; trực tiếp thực hiện các hoạt động sản xuất- kinh doanh và đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết.

Cơ cấu tổ chức quản lý của EVNGENCO 3 gồm: Chủ tịch EVNGENCO 3; Tổng Giám đốc; Kiểm soát viên; các Phó Tổng Giám đốc; Kế toán trưởng và bộ máy tham mưu, cụ thể như sau:

- Ban Lãnh đạo gồm: Chủ tịch; Tổng Giám đốc; 05 Phó Tổng Giám đốc phụ trách các lĩnh vực: Kinh tế - Tài chính, Kỹ thuật - Sản xuất, Đầu tư - Xây dựng, Kinh doanh - Thị trường điện, Sửa chữa và Công nghệ.

- Mười hai ban chức năng, gồm: Ban Tổ chức & Nhân sự; Văn phòng - Thanh tra Bảo vệ; Ban Pháp chế; Ban Tài chính - Kế toán; Ban Kế hoạch; Ban Kỹ thuật - Sản xuất; Ban Quản lý Đấu thầu; Ban Quản lý đầu tư xây dựng, Ban Kinh doanh - Thị trường điện; Ban An toàn; Ban Tổng hợp; Ban Kiểm toán nội bộ và Giám sát tài chính;

**Sơ đồ 1: Tổ chức bộ máy của EVNGENCO 3 tại 30/09/2017**

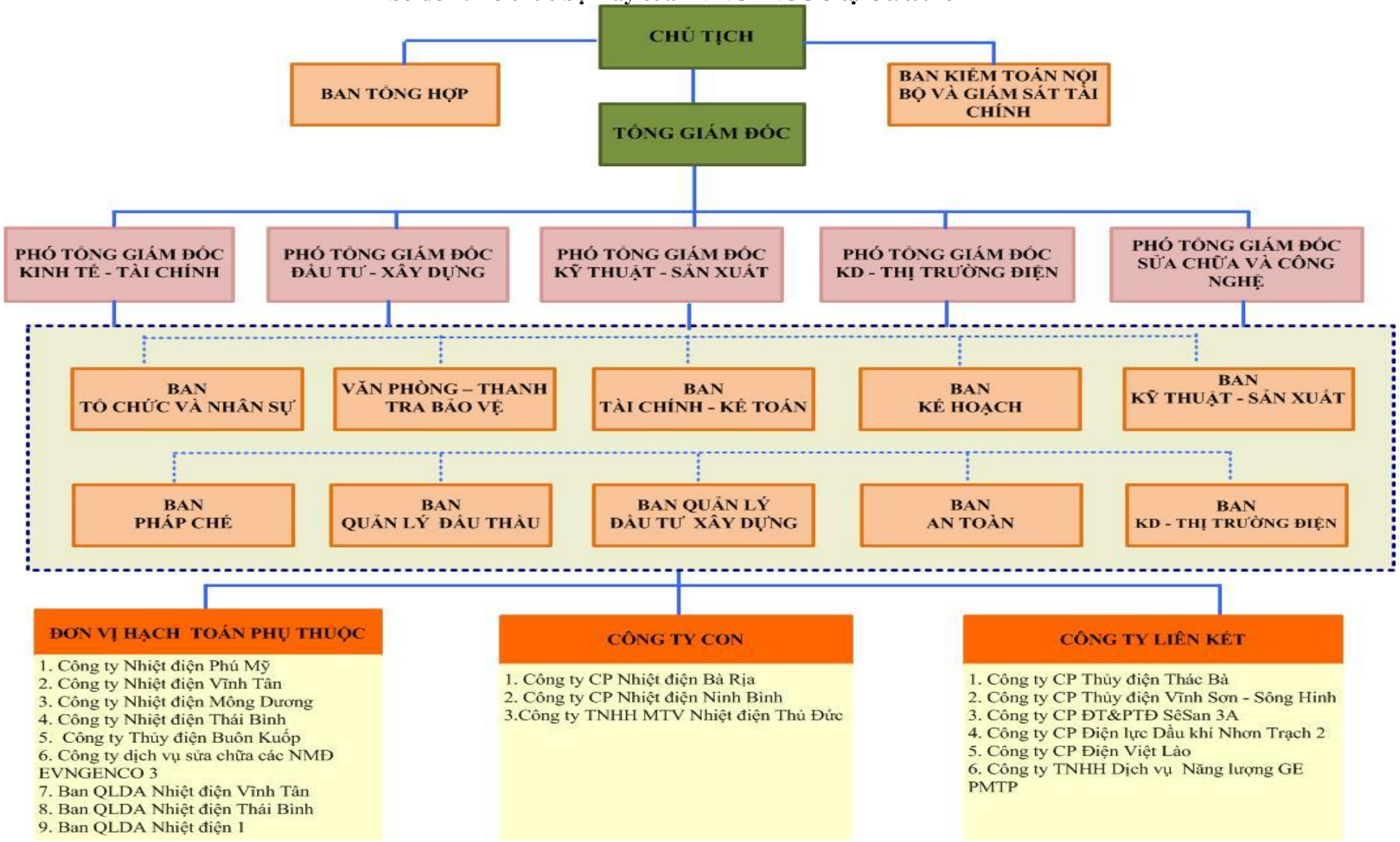

## 1.6. Các đơn vị trực thuộc, các công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư tài chính dài hạn

### *1.6.1. Các đơn vị trực thuộc*

**Bảng 1: Danh sách các đơn vị trực thuộc của EVNGENCO 3 tại 30/09/2017**

| STT | Đơn vị trực thuộc | Công suất (MW) | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| 1 | Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ | 2.540 | Quản lý vận hành 04 nhà máy nhiệt điện khí: Phú Mỹ 1, Phú Mỹ 4, Phú Mỹ 2.1 và Phú Mỹ 2.1 MR. |
| 2 | Công ty Thủy điện Buôn Kuốp | 586 | Quản lý vận hành 3 nhà máy thủy điện: Buôn Kuốp, Buôn Tua Srah, Srepok 3. |
| 3 | Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân | 1.244 | Quản lý vận hành nhà máy nhiệt điện than Vĩnh Tân 2. |
| 4 | Công ty Nhiệt điện Mông Dương, kiêm Ban QLDA Nhiệt điện 1 | 1.080 | Quản lý vận hành nhà máy nhiệt điện than Mông Dương 1 và kiêm nhiệm Ban QLDA Nhiệt điện 1.<br>Ban QLDA Nhiệt điện 1 dự kiến sẽ giải thể sau khi hoàn thành quyết toán dự án Nhiệt điện Mông Dương 1 nếu không có dự án ĐTXD mới. |
| 5 | Công ty Nhiệt điện Thái Bình, kiêm Ban QLDA Nhiệt điện Thái Bình | - | Quản lý vận hành nhà máy nhiệt điện than Thái Bình 1 và kiêm nhiệm Ban QLDA Nhiệt điện Thái Bình.<br>Ban QLDA Nhiệt điện Thái Bình dự kiến sẽ giải thể sau khi hoàn thành quyết toán dự án Nhiệt điện Thái Bình 1 nếu không có dự án ĐTXD mới. |
| 6 | Công ty Dịch vụ sửa chữa các Nhà máy điện EVNGENCO 3 | - | Cung cấp dịch vụ sửa chữa cho các nhà máy điện. |
| 7 | Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân | - | QLDA Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2, Cảng Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân và cơ sở hạ tầng; là đại diện của Tư vấn QLDA (EVNGENCO 3) để thực hiện QLDA Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 và Vĩnh Tân 4 mở rộng cho chủ đầu tư (EVN). |

*Nguồn: EVNGENCO 3*

### *1.6.2. Các công ty con, công ty liên kết*

**Bảng 2: Danh sách các công ty con của EVNGENCO 3 tại thời điểm 30/09/2017**

| Stt | Tên công ty | Công suất (MW) | Vốn điều lệ (triệu đồng) | Vốn góp của EVNGENCO 3 (triệu đồng) | Tỷ lệ sở hữu của EVNGENCO 3 (%) | Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | CTCP Nhiệt điện Bà Rịa | 390 | 604.856 | 481.236 | 79,56 | Sản xuất điện năng |
| 2 | CTCP Nhiệt điện Ninh Bình | 100 | 128.655 | 70.454 | 54,76 | Sản xuất điện năng |
| 3 | Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức | 240 | 100.000 | 118.810 (*) | 100 | Sản xuất điện năng |

*Ghi chú: (*) Theo Báo cáo tài chính quý 3 năm 2017 của Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức. Theo Quyết định số 2100/QĐ-TTg và Công văn số 33/BCT-TC, Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức chuyển từ EVNGENCO 3 về EVN tại thời điểm 0h ngày 01/01/2018.*

*Nguồn: EVNGENCO 3*

**Bảng 3: Danh sách các công ty liên kết của EVNGENCO 3 tại thời điểm 30/09/2017**

| Stt | Tên công ty | Công suất (MW) | Vốn điều lệ (triệu đồng) | Vốn góp của EVNGENCO 3 (triệu đồng) | Tỷ lệ sở hữu của EVNGENCO 3 (%) | Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | CTCP Thủy điện Thác Bà | 120 | 635.000 | 190.500 | 30 | Sản xuất điện năng |
| 2 | CTCP Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh | 136 | 2.062.412 | 517.058 | 30,55 | Sản xuất điện năng |
| 3 | CTCP Đầu tư & Phát triển điện Sê San 3A | 108 | 280.000 | 84.000 | 30 | Sản xuất điện năng |
| 4 | CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 | 750 | 2.878.760 | 64.000 | 2,5 | Sản xuất điện năng |
| 5 | CTCP Điện Việt - Lào | 651 | 3.250.000 | 19.600 | 0,60 | Sản xuất điện năng |
| 6 | Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE - PMTP | - | 496.424 | 74.464 | 15 | Dịch vụ ngành năng lượng |

*Nguồn: EVNGENCO 3*

## 1.7. Thông tin các nhà máy điện đang vận hành

### *1.7.1. Các nhà máy nhiệt điện khí*

- **Các nhà máy điện thuộc Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ (2.540 MW)**: Tổ máy đầu tiên đưa vào vận hành từ năm 1997, sau quá trình đầu tư phát triển tổng công suất đặt các nhà máy này hiện nay đạt 2.540MW. Các nhà máy điện Phú Mỹ vận hành ổn định, tin cậy và hàng năm đóng góp sản lượng điện phát bình quân hơn 16 tỷ kWh, chiếm hơn 50% tổng sản lượng điện hàng năm của Tổng Công ty.

### *1.7.2. Các nhà máy nhiệt điện than*

- **Nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 2 (1.244 MW):** Đưa vào vận hành từ Quý I/2015 Đây là nhà máy nhiệt điện than có công suất lớn đầu tiên đưa vào vận hành ở miền Nam. Kể từ khi đưa vào vận hành, nhà máy đáp ứng tốt phương thức huy động, góp phần quan trọng trong việc cung ứng điện cho khu vực trọng điểm phía Nam từ mùa khô năm 2015 trở về sau.

- **Nhà máy nhiệt điện Mông Dương 1 (1.080 MW):** Đưa vào vận hành từ Quý IV/2015. Đây là nhà máy nhiệt điện than có công suất lớn, vận hành ổn định, tin cậy và đáp ứng tốt phương thức huy động của Điều độ hệ thống điện.

### *1.7.3. Các nhà máy thủy điện*

- **Các nhà máy thuộc Công ty Thủy điện Buôn Kuốp (586 MW):** Đưa vào vận hành từ năm 2010 và đang vận hành ổn định. Trong thời gian vừa qua, bên cạnh việc hoạt động với hiệu quả kinh tế cao, các nhà máy còn tham gia thực hiện tốt công tác cấp nước hạ du trong mùa khô và phối hợp chặt chẽ đảm bảo an toàn trong mùa mưa lũ.

## 1.8. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang Công ty cổ phần

Để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phát huy được năng lực của người lao động sau khi chuyển sang công ty cổ phần; Căn cứ vào hiện trạng và nhu cầu sử dụng lao động phù hợp với kế hoạch kinh doanh của EVNGENCO 3 sau khi chuyển sang hình thức Công ty cổ phần, phù hợp với các quy định của Pháp luật về lao động, EVNGENCO 3 dự kiến phương án sử dụng lao động sau cổ phần hóa như sau:

- Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp: 2.478 người.
- Lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp: 0 người.
- Số lao động chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần: 2.478 người.

Cụ thể như sau:

**Bảng 4: Cơ cấu lao động dự kiến tiếp tục chuyển sang Công ty cổ phần**

| STT | Tiêu chí | Số lượng (người) | Tỷ lệ (%) |
|---|---|---|---|
| **I** | **Theo trình độ lao động** | **2.478** | **100** |
| 1 | Trên đại học | 45 | 1,82 |
| 2 | Đại học | 1.200 | 48,43 |
| 3 | Trung cấp, cao đẳng | 809 | 32,65 |
| 4 | LĐ phổ thông | 190 | 7,66 |
| 5 | Công nhân kỹ thuật | 234 | 9,44 |
| **II** | **Phân theo HĐ lao động** | **2.478** | **100** |
| 1 | Đối tượng không ký kết hợp đồng lao động | 8 | 0,32 |
| 2 | HĐ không xác định thời hạn | 1.613 | 65,09 |
| 3 | Hợp đồng thời hạn 1- 3 năm | 791 | 31,93 |
| 4 | HĐ thời vụ | 66 | 2,66 |
| **III** | **Phân theo giới tính** | **2.478** | **100** |
| 1 | Nam | 2.072 | 83,62 |
| 2 | Nữ | 406 | 16,38 |

*Nguồn: Phương án cổ phần hóa EVNGENCO 3*

***Ghi chú**:*

- *Lao động trên bao gồm số lao động của các đơn vị trực thuộc EVNGENCO 3: Công ty Nhiệt điện Thái Bình kiêm Ban QLDA Nhiệt điện Thái Bình, lực lượng CBSX NMNĐ Vĩnh Tân 4 do EVNGENCO 3 quản lý để thực hiện chức năng tư vấn QLDA NMNĐ Thái Bình và Vĩnh Tân 4 do EVN làm chủ đầu tư.*

- *Sau CPH, căn cứ Quyết định số 852/QĐ-TTg ngày 14/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 138/QĐ-EVN ngày 31/7/2017 của EVN, EVNGENCO 3 thực hiện bàn giao số lao động của các đơn vị này chuyển về EVN theo chỉ đạo của EVN trong thời gian tới.*

### 1.9. Đánh giá chất lượng nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực của EVNGENCO 3 ngày càng được hoàn thiện cả về số lượng lẫn chất lượng thông qua chiến lược đào tạo chủ động và khoa học phù hợp với từng giai đoạn phát triển của EVNGENCO 3/đơn vị. EVNGENCO 3 được đánh giá là một đơn vị hàng đầu trong EVN có chất lượng nguồn cao thông qua kết quả triển khai các nhiệm vụ được giao hàng năm đạt/vượt mục tiêu, đạt chất lượng, với cơ cấu lao động như trên thì tỷ lệ lao động có trình độ đại học trở lên chiếm đa số, đồng thờ theo cơ cấu độ tuổi thì lao động trẻ (trong độ tuổi dưới 40

tuổi) chiếm tỷ trọng lớn (67%) trong tổng số lao động - đây là độ tuổi "vàng" để thực hiện công việc đạt hiệu quả cao nhất, có khả năng đóng góp đáng kể vào kết quả sản xuất kinh doanh chung; là lực lượng nòng cốt đưa CTCP phát triển bền vững theo các mục tiêu đã đưa ra.

Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, chuyên môn nghiệp vụ đã được rèn luyện qua thực tế cùng với những nỗ lực, trách nhiệm của mỗi cá nhân trong việc tự học hỏi và đã đáp ứng yêu cầu công việc mới, ngang tầm của EVNGENCO 3, tự tin, bản lĩnh, bài bản trong giải quyết công việc, đặc biệt là trong các tình huống phức tạp, khó khăn, quyết liệt, nắm bắt nhanh những thay đổi để thích ứng kịp thời.

EVNGENCO 3 đã xây dựng và phát triển được một đội ngũ lao động kỹ thuật chuyên môn cao và có rất nhiều kinh nghiệm và được đào tạo bài bản, chuyên sâu về các công nghệ tiên tiến và thực tế đến nay lực lượng này đạt đến trình độ chuyên gia trong lĩnh vực vận hành, sửa chữa (thực tế đã chứng minh đội ngũ này thay thế dần các chuyên gia nước ngoài trong các kỳ SCL, giúp tiết giảm chi phí sửa chữa, gia tăng hiệu quả hoạt động của EVNGENCO 3); đội ngũ lao động có tác phong kỷ luật cao, làm việc chuyên nghiệp thông qua việc trực tiếp làm việc, hợp tác với các khách hàng, đối tác nước ngoài; chủ động trong mọi công việc từ đơn giản đến phức tạp.

Có thể khẳng định trong giai đoạn vừa qua, EVNGENCO 3 đã xây dựng được đội ngũ lao động có chuyên môn hóa sâu, tay nghề cao, có bản lĩnh, tác phong để sẵn sàng thích ứng nhanh trong mọi hoạt động.

## 2. GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA VÀ GIÁ TRỊ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP

### 2.1. Giá trị thực tế của doanh nghiệp và giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp

Căn cứ:

- Quyết định số 9494/QĐ-BCT ngày 22/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Phát điện 3, cụ thể xác định: Thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là 0 giờ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã có Quyết định số 124/QĐ-EVN ngày 30/06/2015 về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Phát điện 3 (tại thời điểm 0h ngày 01/01/2015).
- Quyết định số 1500/QĐ-BCT ngày 19/4/2016 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công ty mẹ - Tổng Công ty Phát điện 3.
- Báo cáo kiểm toán số 341/KTNN-TH ngày 15/8/2017 của Kiểm toán Nhà nước;

- Căn cứ Quyết định số 3396/QĐ-BCT ngày 31/8/2017 của Bộ Công thương về việc công bố giá trị Công ty mẹ - Tổng công ty Phát điện 3 thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam để cổ phần hóa (thay thế Quyết định số 1500/QĐ-BCT).

- Căn cứ Quyết định số 2100/QĐ-TTg ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Phát điện 3 (trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam).

**Giá trị thực tế của doanh nghiệp là 92.941.120.044.597 đồng** và **giá trị thực tế phần vốn Nhà nước là 26.108.306.174.814 đồng** tại thời điểm 0h ngày 01/01/2015.

Công ty mẹ - Tổng Công ty Phát điện 3 không phải điều chỉnh giá trị sổ sách kế toán theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp khi xây dựng quy mô vốn điều lệ của công ty cổ phần trong phương án cổ phần hóa và sử dụng kết quả xác định giá trị doanh nghiệp để xây dựng giá khởi điểm khi bán cổ phần lần đầu.

**Bảng 5: Giá trị doanh nghiệp được phê duyệt tại Quyết định số 3396/QĐ-BCT ngày 31/8/2017 của Bộ Công Thương**

| STT | Chỉ tiêu | Số liệu sổ kế toán (*) | Số liệu xác định GTDN | Chênh lệch |
|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 = 4-3 |
| **A** | **TÀI SẢN ĐANG DÙNG (I+II+III+IV)** | **77.446.366.205.301** | **92.941.120.044.597** | **15.494.753.839.296** |
| **I** | **Tài sản cố định và đầu tư dài hạn** | **70.804.168.676.860** | **86.227.067.022.304** | **15.422.898.345.444** |
| ***1*** | ***Tài sản cố định*** | ***69.256.616.652.590*** | ***83.521.987.570.011*** | ***14.265.370.917.421*** |
| a. | Tài sản cố định hữu hình | 13.139.920.573.530 | 27.405.291.490.951 | 14.265.370.917.421 |
| b. | Tài sản cố định vô hình (chưa bao gồm quyền SDĐ) | 2.183.408.990 | 2.183.408.990 | - |
| c | Chi phí XDCB dở dang | 56.114.512.670.070 | 56.114.512.670.070 | - |
| ***2*** | ***Các khoản đầu tư tài chính dài hạn*** | ***1.501.311.982.438*** | ***2.650.884.023.031*** | ***1.149.572.040.593*** |
| ***3*** | ***Tài sản dài hạn khác*** | ***46.240.041.832*** | ***54.195.429.262*** | ***7.955.387.430*** |
| **II** | **Tài sản ngắn hạn** | **6.575.735.755.974** | **6.587.552.899.163** | **11.817.143.189** |
| ***1*** | ***Tiền*** | ***1.857.589.057.151*** | ***1.857.590.475.460*** | ***1.418.309*** |
| a. | Tiền mặt tồn quỹ | 823.664.349 | 824.140.600 | 476.251 |
| b. | Tiền gửi ngân hàng (gồm cả tương đương tiền) | 1.856.765.392.802 | 1.856.766.334.860 | 942.058 |
| ***2*** | ***Đầu tư tài chính ngắn hạn*** | ***430.000.000.000*** | ***430.000.000.000*** | **-** |
| ***3*** | ***Các khoản phải thu*** | ***2.333.674.808.183*** | ***2.333.674.808.183*** | **-** |
| ***4*** | ***Hàng tồn kho*** | ***1.504.037.639.503*** | ***1.515.853.364.383*** | ***11.815.724.880*** |
| ***5*** | ***Tài sản ngắn hạn khác*** | ***450.434.251.137*** | ***450.434.251.137*** | **-** |
| **III** | **Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp** | **-** | **7.664.679.888** | **7.664.679.888** |
| **IV** | **Giá trị quyền sử dụng đất** | **66.461.772.467** | **118.835.443.242** | **52.373.670.775** |
| **B** | **TÀI SẢN KHÔNG CẦN DÙNG, CHỜ** | **-** | **-** | **-** |

| STT | Chỉ tiêu | Số liệu sổ kế toán (*) | Số liệu xác định GTDN | Chênh lệch |
|---|---|---|---|---|
| | **THANH LÝ** | | | |
| **C** | **TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KT, PL** | **1.570.222.979** | **1.570.222.979** | **-** |
| | **TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DN (A+B+C+D)** | **77.447.936.428.280** | **92.942.690.267.576** | **15.494.753.839.296** |
| | Trong đó: | | | |
| | **TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ CỦA DN (MỤC A)** | **77.446.366.205.301** | **92.941.120.044.597** | **15.494.753.839.296** |
| **D** | **NỢ PHẢI TRẢ** | **67.668.907.043.766** | **67.668.907.043.766** | |
| **D1** | **Nợ thực tế phải trả** | **67.668.907.043.766** | **67.668.907.043.766** | **-** |
| **D2** | **Quỹ phúc lợi hình thành tài sản** | | **-** | |
| **E** | **LỖ CLTG GIAI ĐOẠN XDCB** | **(836.093.173.983)** | **(836.093.173.983)** | **-** |
| | **TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP (A-D- E)** | **10.613.552.335.518** | **26.108.306.174.814** | **15.494.753.839.296** |

*Nguồn: Phương án cổ phần hóa EVNGENCO 3*

*Ghi chú: (*) Số liệu sổ sách sau xử lý tài chính của Kiểm toán Nhà nước.*

*Các biến động tăng/giảm tài sản, vốn từ thời điểm xác định GTDN (0h ngày 01/01/2015) đến thời điểm chuyển sang Công ty cổ phần sẽ được xử lý khi quyết toán cổ phần hóa.*

### 2.2. Tài sản loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp

Tài sản không tính vào giá trị doanh nghiệp bao gồm:

- Tài sản hình thành từ quỹ khen thưởng, phúc lợi với giá trị: 1.570.222.979 đồng.
- Tài sản chờ bàn giao cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam: Giá trị Dự án Nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 4 và phần tài sản thuộc sở hữu của Ban quản lý Dự án Thủy điện 5, với tổng số là 3.459.822.158.334 đồng.
- Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức sẽ được bàn giao về EVN theo Công văn số 33/BCT-TC ngày 03/01/2018 của Bộ Công Thương từ 0h ngày 01/01/2018.

### 2.3. Một số vấn đề cần lưu ý liên quan đến giá trị doanh nghiệp để CPH

- Đối với việc xác định giá trị quyền sử dụng đất: đến tháng 8/2017 (sau thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp), UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và UBND tỉnh Đắk Lăk và UBND tỉnh Bình Thuận có văn bản phê duyệt Phương án sử dụng đất, theo đó các khu đất khu nhà quản lý vận hành PM1, PM4, khu nhà quản lý vận hành của Công ty Thủy điện Buôn Kuốp chuyển từ giao đất qua thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm. Như vậy theo quy định, không tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp đối với các khu đất khu nhà quản lý vận hành PM1, PM4, khu nhà quản lý vận hành của Công ty Thủy điện Buôn Kuốp. Theo đó, giá trị thực tế doanh nghiệp giảm so với Quyết định số 3396/QĐ-BCT ngày 31/8/2017 là 51.930.083.095 đồng.

- Theo phương án sử dụng đất được UBND các tỉnh phê duyệt, EVNGENCO3 được tiếp tục sử dụng đất theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm; có 01 khu đất là trụ sở làm việc của Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân tại TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận được tiếp tục giao đất có thu tiền sử dụng đất. Đối với khu đất của EVNGENCO 3 mà phương án sử dụng đất theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất giá trị khu đất này đã được tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa EVNGENCO 3 theo quy định.

- Đối với đất lòng hồ: pháp luật hiện hành về đất đai không quy định việc giao/thuê đất có mặt nước là hồ thủy điện (đất lòng hồ thủy điện) cho đơn vị quản lý, vận hành nhà máy thủy điện, vì vậy Tập đoàn không đưa phương án sử dụng đất lòng hồ vào phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa của EVNGENCO3 như ý kiến của các tỉnh. (Theo Văn bản số 4007/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 15/9/2016 của Bộ Tài nguyên - Môi trường: đất lòng hồ thủy điện là đất có mặt nước chuyên dùng, Nhà nước giao quản lý để kết hợp sử dụng khai thác đất có mặt nước chuyên dùng vào mục đích phi nông nghiệp hoặc phi nông nghiệp kết hợp nuôi trồng và khai thác thủy sản).

- Thuế và các khoản phải nộp NSNN (tại thời điểm 0h ngày 01/01/2015): Thuế và các khoản phải nộp NSNN theo số liệu báo cáo của đơn vị vì chưa có biên bản quyết toán thuế. Số nộp NSNN sẽ được điều chỉnh theo số liệu quyết toán của cơ quan thuế vào thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản với số tiền là 836.093 triệu đồng không được tính trừ vào vốn Nhà nước tại EVNGENCO 3. Số lỗ này được trình bày trên Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2014 của EVNGENCO 3 ở chỉ tiêu chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc phần Nguồn vốn Chủ sở hữu.
- Hợp đồng tín dụng ký giữa EVNGENCO 3 và Công ty Tài chính CP Điện lực về việc cho vay đầu tư dự án Thủy điện Bản Chát với hạn mức cho vay là 15.000.000 USD. Số dư nợ vay đến thời điểm 31/12/2016 là: 14.487.380,01 USD. Dự án đã chuyển chủ đầu tư từ EVNGENCO 3 về EVN, EVN hiện đang theo dõi hợp đồng và trả nợ vay, sẽ thực hiện chuyển chủ thể hợp đồng vay về EVN khi đủ điều kiện theo quy định.

## 3. TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA

### 3.1. Thực trạng về tài sản cố định

**Bảng 6: Tài sản cố định EVNGENCO 3 công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2016**

*Đơn vị: Triệu đồng*

| TT | Tài sản | Nguyên giá | Giá trị hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại | Tỷ lệ % GTCL/ Nguyên giá |
|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **Tài sản cố định hữu hình** | **105.250.375** | **43.934.303** | **61.316.072** | **58,3** |
| 1 | Nhà cửa và vật kiến trúc | 18.718.332 | 5.184.029 | 13.534.303 | **72,3** |
| 2 | Máy móc và thiết bị | 79.761.424 | 36.474.850 | 43.286.574 | **54,3** |
| 3 | Phương tiện vận tải | 6.687.080 | 2.236.218 | 4.450.862 | **66,6** |
| 4 | Thiết bị văn phòng | 77.258 | 37.459 | 39.799 | **51,5** |
| 5 | Tài sản cố định khác | 6.281 | 1.748 | 4.533 | **72,2** |
| **II** | **Tài sản cố định vô hình** | **79.377** | **11.915** | **67.462** | **85,0** |
| 1 | Quyền sử dụng đất | 64.452 | 6.099 | 58.353 | **90,5** |
| 2 | Phần mềm máy tính | 11.154 | 2.314 | 8.839 | **79,2** |
| 3 | Bản quyền chuyển giao công nghệ | 3.771 | 3.501 | 270 | **7,2** |
| **Tổng cộng** | | **105.329.752** | **43.946.218** | **61.383.534** | **58,3** |

*Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2016 Công ty mẹ EVNGENCO 3*

### 3.2. Đất đai Tổng công ty đang quản lý và sử dụng

Đất đai EVNGENCO 3 đang quản lý và sử dụng bao gồm:

**Bảng 7: Hiện trạng sử dụng đất đai trước cổ phần hóa của EVNGENCO 3**

| STT | Địa chỉ lô đất | Diện tích (m2) | Hình thức sử dụng đất | Thời hạn |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Cơ quan EVNGENCO 3 | 1.057.520,5 | Thuê đất, giao đất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất | 50 năm, lâu dài |
| 1.1 | Các Nhà máy điện Phú Mỹ;<br>Kênh thải nước làm mát;<br>Khu QLVH PM4 (GCNQSDĐ AG 184695; AK 287464; BN 981051) | 984.782 | Thuê đất<br>Giao đất, nhận chuyển nhượng | 50 năm |
| 1.2 | Khu QLVH PM1<br>Khu QLVH PM4 (GCNQSDĐ AK 287443) | 72.738,5 | Giao đất | Lâu dài |
| 2 | Công ty Thủy điện Buôn Kuốp | 64.576.057,4 | Thuê đất, giao đất | 50 năm, 70 năm |
| 2.1 | Nhà máy thủy điện Buôn Kuốp, Buôn Tua Srah và Srêpốk 3 - tỉnh Đắk Lăk | 1.477.979 | Thuê đất | 70 năm |
| 2.2 | Nhà máy thủy điện Buôn Kuốp, Buôn Tua Srah và Srêpốk 3 - tỉnh Đắk Nông;<br>Khu QLVH | 875.677,9 | Thuê đất<br>Giao đất | 50 năm |
| 2.3 | Lòng hồ công trình thủy điện Buôn Kuốp, Buôn Tua Srah và Srêpốk 3 - tỉnh Đắk Lăk | 35.500.427 | Giao đất | 70 năm |
| 2.4 | Lòng hồ thủy điện Buôn Kuốp, Buôn Tua Srah và Srêpốk 3 - tỉnh Đắk Nông, Lâm Đồng | 26.751.928.5 | Giao đất | 50 năm |
| 3 | Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân/ Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân | 3.712.845,4 | Thuê đất, giao đất | 50 năm, 70 năm |
| 3.1 | Cảng nhập than;<br>Nhà máy Vĩnh Tân 2; | 3.675.823,1 | Thuê đất | 70 năm |

| STT | Địa chỉ lô đất | Diện tích (m2) | Hình thức sử dụng đất | Thời hạn |
|---|---|---|---|---|
| | Đường vào bãi xỉ;<br>Khu QLVH | | | |
| 3.2 | Trụ sở làm việc<br>Kết cấu hạ tầng; | 37.022,3 | Giao đất<br>Thuê đất | 50 năm |
| 4 | Ban QLDA Nhiệt điện 1/ Công ty Nhiệt điện Mông Dương | 4.044.500 | Thuê đất trả tiền hàng năm | 25 năm |

## 4. TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA

### 4.1. Tình hình hoạt động kinh doanh

#### *4.1.1. Công tác sản xuất điện*

Trong giai đoạn 2014-2016, sản lượng điện của EVNGENCO 3 tăng trưởng trung bình 14%/năm, các dự án đầu tư nguồn điện mới của EVNGENCO 3 đã hoàn thành và đi vào hoạt động góp phần đảm bảo cung ứng đủ điện cho phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là góp phần đảm bảo cung cấp điện cho Miền Nam.

Tổng sản lượng điện sản xuất của EVNGENCO 3 trong giai đoạn 2014 - 2017 đạt 119.328 triệu kWh, sản lượng điện bình quân trong 4 năm khoảng 29.832 triệu kWh/năm, cụ thể:

**Bảng 8: Tổng sản lượng điện sản xuất 2014-2017**

*Đơn vị: Triệu kWh*

| Năm | Tổng số (2014-2017) | Bình quân/năm (2014-2017) | 2014 | 2015 | 2016 | 2017 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Tổng Sản lượng điện** | **119.328** | **29.832** | **24.014** | **28.516** | **33.654** | **33.144** |
| **Công ty mẹ** | **105.839** | **26.460** | **20.401** | **25.133** | **30.509** | **29.795** |
| Phú Mỹ | 67.095 | 16.774 | 17.183 | 17.870 | 16.317 | 15.724 |
| Buôn Kuốp | 9.716 | 2.429 | 2.403 | 1.551 | 2.171 | 3.591 |

| Năm | Tổng số (2014-2017) | Bình quân/năm (2014-2017) | 2014 | 2015 | 2016 | 2017 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Vĩnh Tân | 17.999 | 4.500 | 0 | 5.146(*) | 7.106 | 5.747 |
| Mông Dương | 10.214 | 2.554 | 0 | 566(*) | 4.915 | 4.733 |
| Bản Chát | 815 | 408 | 815 | 0 | 0 | 0 |
| **Công ty con** | **7.443** | **1.861** | **2.056** | **2.023** | **1.811** | **1.554** |
| Bà Rịa | 5.898 | 1.475 | 1.507 | 1.696 | 1.470 | 1.225 |
| Ninh Bình | 1.503 | 376 | 536 | 327 | 312 | 328 |
| Thủ Đức | 42 | 21 | 13 | 0,27 | 29 | 0,47 |
| **Công ty liên kết** | **6.046** | **1.512** | **1.557** | **1.360** | **1.335** | **1.796** |
| Thác Bà | 1.528 | 382 | 391 | 342 | 304 | 491 |
| Vĩnh Sơn - Sông Hinh | 2.899 | 725 | 681 | 674 | 679 | 865 |
| Sê San 3A | 1.619 | 405 | 485 | 344 | 351 | 439 |

*Ghi chú: (*) SLĐ của Vĩnh Tân và Mông Dương tính từ thời điểm bàn giao vận hành thương mại (Vĩnh Tân: tổ máy 1: 01/2015, tổ máy 2: 03/2015; Mông Dương: tổ máy 1: 10/2015, tổ máy 2: 12/2015).*

Công suất các NMĐ trong EVNGENCO 3: Tổng công suất lắp đặt các nhà máy điện trong EVNGENCO 3 (không bao gồm CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 và CTCP Điện Việt-Lào) là 6.543 MW (trong đó, tổng công suất các công ty trực thuộc là 5.450 MW ~ 13% công suất đặt của toàn hệ thống điện, còn lại là công ty con và công ty liên kết). Phân theo loại hình nhà máy của EVNGENCO 3, thủy điện chiếm khoảng 2,26%, nhiệt điện than chiếm khoảng 5,77%, tuabin khí chiếm khoảng 6,97% công suất phát điện của toàn hệ thống điện.

Trong tổng công suất của EVNGENCO 3, các nhà máy điện tuabin khí chiếm tỷ trọng 44,77%, nhiệt điện than chiếm 37,04% và thủy điện chiếm 14,52%.

**Bảng 9: Tổng công suất lắp đặt các nhà máy điện EVNGENCO 3**

| EVNGENCO 3 | Loại hình | Hình thức sở hữu | Tỷ lệ sở hữu của EVNGENCO 3 | C.suất lắp đặt (MW) | Thời gian đưa vào vận hành |
|---|---|---|---|---|---|
| Các NMĐ Phú Mỹ | TBK | Trực thuộc | 100% | 2.540 | 1997-2005 |
| NMNĐ Vĩnh Tân 2 | NĐ than | Trực thuộc | 100% | 1.244 | 2015 |
| NMNĐ Mông Dương 1 | NĐ than | Trực thuộc | 100% | 1.080 | 2015 |
| Các NMTĐ Buôn Kuốp | Thủy điện | Trực thuộc | 100% | 586 | 2009 |
| NMNĐ Bà Rịa | TBK | Công ty con | 79,56% | 389 | 1992-2002 |
| NMNĐ Ninh Bình | NĐ than | Công ty con | 54,76% | 100 | 1974-1976 |
| NMNĐ Thủ Đức | NĐ dầu | Công ty con | 100% | 240 | 1966-1992 |
| NMTĐ Thác Bà | Thủy điện | Công ty liên kết | 30% | 120 | 1971-1975 |
| NMTĐ Vĩnh Sơn - Sông Hinh | Thủy điện | Công ty liên kết | 30,55% | 136 | 1994 |
| NMTĐ Sê San 3A | Thủy điện | Công ty liên kết | 30% | 108 | 2006 |
| **Tổng** | | | | **6.543** | |

**Bảng 10: Tỷ trọng loại hình phát điện của EVNGENCO 3 trong hệ thống điện**

| Loại hình | Toàn quốc | EVNGENCO 3 |
|---|---|---|
| Thủy điện | 43,3% | 2,26% |
| Nhiệt điện than | 33,0% | 5,77% |
| Tuabin Khí, hơi nước | 20,5% | 6,97% |
| Khác | 3,1% | 0,57% |
| **Tổng** | **100%** | **15,57%** |

*Nguồn: EVNGENCO 3*

**Sơ đồ 2: Tỷ trọng các loại hình phát điện trong EVNGENCO 3**

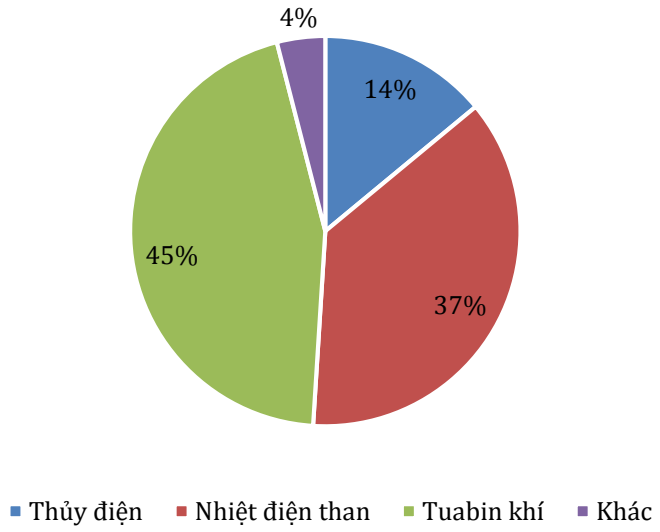


*Nguồn: EVNGENCO 3*

### 4.1.2. Nguyên vật liệu

**Nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện khí:**

Các nhà máy điện Phú Mỹ sử dụng nhiên liệu khí là nhiên liệu chính, dầu DO là nhiên liệu dự phòng. Các Nhà máy điện Phú Mỹ tiêu thụ khí đốt từ các nguồn: khí Nam Côn Sơn và có hợp đồng dài hạn cung cấp đến năm 2023, ngoài ra còn có hợp đồng cấp khí cho các nhà máy từ nguồn khí Cửu Long.

Theo quy hoạch phát triển ngành công nghiệp khí Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2035, một số mỏ khí mới và nguồn LNG sẽ được đầu tư để bù đắp lượng khí suy hao nhằm tiếp tục cấp khí cho các nhà máy điện Phú Mỹ của EVNGENCO 3 nói riêng và các nhà máy điện miền Đông Nam Bộ nói chung.

Theo quy hoạch phát triển ngành công nghiệp khí Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 (theo Quyết định số 60/QĐ-TTg ngày 16/01/2017), một số mỏ khí mới và nguồn LNG sẽ được đầu tư để bù đắp lượng khí suy hao nhằm tiếp tục cấp khí cho các nhà máy điện Phú Mỹ của EVNGENCO 3, khi đó giá nhiên liệu khí sẽ tăng làm tăng chi phí sản xuất. Tuy nhiên, các nhà máy điện Phú Mỹ được quản lý vận hành bảo dưỡng tối ưu, thường xuyên được đầu tư cải tiến nâng cấp thiết bị nên vẫn đảm bảo được tính cạnh tranh, hiệu quả khi tham gia chào giá trên thị trường điện.

**Nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện than:**

Nhiên liệu chính dùng trong sản xuất nhiệt điện than là than cám sản xuất trong nước và dầu FO/ DO dùng để khởi động và đốt kèm khi tải thấp.

Trong những năm gần đây, nhu cầu than có sự tăng lên đáng kể, từ mức 10 triệu tấn ở năm 2002 đã tăng hơn 3,5 lần lên mức tiêu thụ 35,5 triệu tấn vào năm 2014. Trong đó ngành điện là ngành tiêu thụ than nhiều nhất, chiếm khoảng 50% tổng sản lượng than tiêu thụ.

Trong tương lai, khi các nhà máy điện chủ động trong quá trình nhập khẩu than làm nguyên liệu sản xuất, ngoài rủi ro về số lượng, cơ chế giá nhiên liệu than trong tương lai sẽ chịu ảnh hưởng lớn của giá thị trường (cả than trong nước và than nhập khẩu).

**Nguồn nguyên vật liệu của EVNGENCO 3 chịu ảnh hưởng bởi các nhân tố sau:**

- Sự biến động giá dầu và giá than trên thế giới
- Ảnh hưởng của thiên tai (bão lụt, hạn hán, cháy rừng…)
- Biến động của tỷ giá ngoại tệ

Các biến động của nguồn nguyên vật liệu đều ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động SXKD, doanh thu và lợi nhuận của EVNGENCO 3.

### 4.1.3. Chi phí sản xuất

Các chi phí chủ yếu và cơ cấu chi phí trong giá thành của EVNGENCO 3 theo bảng sau:

**Bảng 11: Các chi phí chủ yếu và cơ cấu chi phí trong giá thành**

*ĐVT: tỷ đồng*

| Yếu tố chi phí | Năm 2014 | | Năm 2015 | | Năm 2016 | | 9Tháng/2017 | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Giá trị | Cơ cấu | Giá trị | Cơ cấu | Giá trị | Cơ cấu | Giá trị | Cơ cấu |
| 1. Nhiên liệu | 16.396 | 71,40% | 17.237 | 68,66% | 21.343 | 65,00% | 16.781 | 69,08% |
| 2. Vật liệu | 82 | 0,36% | 141 | 0,56% | 267 | 0,81% | 224 | 0,92% |
| 3. Lương và Bảo hiểm xã hội | 252 | 1,10% | 308 | 1,23% | 454 | 1,38% | 260 | 1,07% |
| 4. Khấu hao TSCĐ | 3.214 | 14,00% | 4.186 | 16,67% | 5.787 | 17,62% | 3.746 | 15,42% |
| 5. Các khoản dịch vụ mua ngoài | 45 | 0,20% | 248 | 0,99% | 344 | 1,05% | 185 | 0,76% |
| 6. Chi phí sửa chữa lớn | 1.422 | 6,19% | 967 | 3,85% | 1.672 | 5,09% | 1.240 | 5,10% |
| 7. Các chi phí bằng tiền khác | 405 | 1,76% | 308 | 1,23% | 458 | 1,39% | 403 | 1,66% |
| 8. Chi phí lãi vay | 1.147 | 4,99% | 1.710 | 6,81% | 2.513 | 7,65% | 1.453 | 5,98% |

### 4.1.4. Trình độ công nghệ

**Các nhà máy nhiệt điện khí:**

Các nhà máy nhiệt điện khí trực thuộc EVNGENCO 3 bao gồm NMĐ Phú Mỹ với 13 tổ máy (9 tổ máy tuabin khí và 4 tổ máy tuabin hơi), tổng công suất thiết kế là **2.540 MW**, cụ thể:

- Tổ máy GT21 - PM21 (tuabin khí):

  Thời gian đưa vào vận hành : tháng 3/1997.

  Công suất thiết kế không nâng công suất:

  Công suất thiết kế : 144,1MW (Gas)/133,5 MW (DO)

  Công suất khả dụng : 142 MW (Gas)/130 MW (DO)

  Công suất thiết kế có nâng công suất : +10,6 MW

  Công suất thiết kế : 154,7MW (Gas)

  Công suất khả dụng : 148 MW (Gas)

  Nước sản xuất : ABB (Thụy Sỹ)

  Đại tu gần nhất : Tháng 01/2017

- Tổ máy GT22 - PM21 (tuabin khí):

  Thời gian đưa vào vận hành : tháng 3/1997.

  Công suất thiết kế không nâng công suất:

  Công suất thiết kế : 144,1MW (Gas)/133,5 MW (DO)

  Công suất khả dụng : 142 MW (Gas)/130 MW (DO)

  Công suất thiết kế có nâng công suất : +10,6 MW

  Công suất thiết kế : 154,4MW (Gas)

  Công suất khả dụng : 154,4 MW (Gas)

  Nước sản xuất : ABB (Thụy Sỹ)

  Đại tu gần nhất : Tháng 02/2014

- Tổ máy GT24 - PM21 Mở rộng (tuabin khí):

  Thời gian đưa vào vận hành : tháng 02/1999

  Công suất thiết kế : 138,6 MW (Gas)/135 MW (DO)

  Công suất khả dụng : 135 MW (Gas)/133 MW (DO)

  Nước sản xuất : Siemens (Đức)

  Đại tu gần nhất : Tháng 09/2016

- Tổ máy GT25 - PM21 Mở rộng (tuabin khí):

  Thời gian đưa vào vận hành : tháng 02/1999

Công suất thiết kế : 138,6 MW (Gas)/135 MW (DO)

Công suất khả dụng : 135 MW (Gas)/133 MW (DO)

Nước sản xuất : Siemens (Đức)

Đại tu gần nhất : Tháng 08/2013

❖ Tổ máy GT11 - PM1 (tuabin khí): Số liệu Performance Guarantees

Thời gian đưa vào vận hành : Tháng 7/2001

Công suất thiết kế : 211,68 MW (DO) / 239,16 MW (gas)

Công suất khả dụng : 200 MW (DO)/ 232 MW (Gas)

Nước sản xuất : MHI (Nhật Bản).

Đại tu gần nhất : Tháng 04/2013

❖ Tổ máy GT12 - PM1 (tuabin khí): Số liệu Performance Guarantees

Thời gian đưa vào vận hành : Tháng 10/2001

Công suất thiết kế : 211,68 MW (DO) / 239,16 MW (gas)

Công suất khả dụng : 200 MW (DO)/ 232 MW (Gas)

Nước sản xuất : MHI (Nhật Bản).

Đại tu gần nhất : Tháng 08/2012

Tổ máy GT13 - PM1 (tuabin khí): Số liệu Performance Guarantees

Thời gian đưa vào vận hành : Tháng 11/2001

Công suất thiết kế : 211,68 MW (DO) / 239,16 MW (gas)

Công suất khả dụng : 200 MW (DO)/ 232 MW (Gas)

Nước sản xuất : MHI (Nhật Bản)

Đại tu gần nhất : Tháng 01/2012

Tổ máy GT41- PM4 (tuabin khí): Số liệu Performance Guarantees

Thời gian đưa vào vận hành : Tháng 8/2004

Công suất thiết kế : 134,25MW (DO)/145,75MW (gas)

Công suất khả dụng : 130 MW (DO)/ 142MW (Gas)

Nước sản xuất : ALSTOM (Thụy Sỹ)

Đại tu gần nhất : Tháng 08/2017

❖ Tổ máy GT42 - PM4 (tuabin khí): Số liệu Performance Guarantees

Thời gian đưa vào vận hành : Tháng 8/2004

Công suất thiết kế : 134,25MW (DO)/145,75MW (gas)

Công suất khả dụng : 130 MW (DO)/ 142MW (Gas)

Nước sản xuất : ALSTOM (Thụy Sỹ)

Đại tu gần nhất : Tháng 01/2016

❖ Tổ máy ST14 - PM1 (đuôi hơi):

Thời gian đưa vào vận hành : Tháng 4/2002

Công suất thiết kế : 391.17 MW

Công suất khả dụng : 375 MW

Nhà sản xuất : MHI (Nhật Bản)

Đại tu gần nhất : Tháng 10/2016

❖ Tổ máy ST23 - PM21 (đuôi hơi):

Thời gian đưa vào vận hành : Tháng 5/2003

Công suất thiết kế : 162,1 MW

Công suất khả dụng : 160 MW

Nhà sản xuất : ALSTOM (Thụy Sỹ)

Đại tu gần nhất : 01/2017

❖ Tổ máy ST26 - PM21 Mở rộng (đuôi hơi):

Thời gian đưa vào vận hành : Tháng 12/2005

Công suất thiết kế : 162,1 MW

Công suất khả dụng : 160 MW

Nhà sản xuất : ALSTOM (Thụy Sỹ)

Đại tu gần nhất : 02/2012

❖ Tổ máy ST43 - PM4 (đuôi hơi):

Thời gian đưa vào vận hành : Tháng 8/2004

Công suất thiết kế : 162,1 MW

Công suất khả dụng : 160 MW

Nhà sản xuất : ALSTOM (Thụy Sỹ)

Đại tu gần nhất : Tháng 08/2017

**Các nhà máy nhiệt điện than:**

❖ Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2:

Thời gian đưa vào vận hành : Tổ máy S1: 01/2015; Tổ máy S2: 3/2015

Công suất thiết kế : 2x622 MW

Công suất khả dụng : 2x622MW

Tổng thầu EPC : SEC (Trung Quốc)

Đại tu gần nhất : Chưa đại tu

❖ Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1:

Thời gian đưa vào vận hành : Tổ máy S1, tháng 10/2015, Tổ máy S2 : tháng 12/2015.

Công suất thiết kế : 2x540 MW

Công suất khả dụng : 2x540 MW

Tổng thầu EPC : Hyundai E&C (Hàn Quốc)

Đại tu gần nhất : Chưa đại tu

**Các nhà máy thủy điện :**

Các nhà máy thủy điện trực thuộc EVNGENCO 3 bao gồm nhà máy thủy điện Buôn Kuốp, Buôn Tua Srah, Srêpôk 3 thuộc Công ty thủy điện Buôn Kuốp, cụ thể:

❖ Nhà máy thủy điện Buôn Kuốp:

Thời gian đưa vào vận hành : H1 tháng 3/2009, H2 tháng 9/2009

Công suất thiết kế : 2x140 MW

Công suất khả dụng : 2x140 MW

Nhà sản xuất : Máy phát: Mitsubishi; Tuabin: LMZ

Đại tu gần nhất : H1 tháng 3/2014, H2: 4/2015

❖ Nhà máy thủy điện Buôn Tua Srah:

Thời gian đưa vào vận hành : H1 tháng 9/2009, H2 tháng 12/2009

Công suất thiết kế : 2x43 MW

Công suất khả dụng : 2x43 MW

Nhà sản xuất : Dongfang (Trung Quốc)

Đại tu gần nhất : H1 tháng 06/2016, H2: 4/2015

❖ Nhà máy thủy điện Srêpôk 3:

Thời gian đưa vào vận hành : H1 tháng 6/2010, H2 tháng 9/2010

Công suất thiết kế : 2x110 MW

Công suất khả dụng : 2x110 MW

Nhà sản xuất : Harbin (Trung Quốc)

Đại tu gần nhất : H1 tháng 10/2015, H2 tháng 03/2016

### 4.1.5. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ

#### *a) Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng*

Hiện tại EVNGENCO 3 đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, dịch vụ theo các tiêu chuẩn, quy định hiện hành của Nhà nước và EVN.

*b) Bộ phận kiểm tra chất lượng của công ty*

Hệ thống quản lý chất lượng chung của Tổng Công ty được tổ chức cập nhật thường xuyên để phục vụ cho công tác quản trị, kiểm soát.

### 4.1.6. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế bản quyền

Hiện tại, Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) đang sở hữu và khai thác bản quyền, nhãn hiệu hàng hóa đã đăng ký tại Cục Sở hữu trí tuệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ và ủy quyền cho EVNGENCO 3 sử dụng:

Mô tả logo của EVNGENCO 3: Gồm 2 phần:

- Phần hình: Là biểu tượng ba ngôi sao bốn cánh đồng tâm nổi bật trong vòng tròn màu xanh lam. Ngôi sao trong cùng có màu vàng, ngôi sao ở giữa có màu đỏ, ngôi sao ngoài cùng có màu xanh lam. Đây cũng là biểu tượng chung của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các đơn vị thành viên, các công ty con.
- Phần chữ: Là chữ "EVNGENCO 3".

### 4.1.7. Các hợp đồng kinh tế lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết

Các Hợp đồng mua bán điện như sau:

| STT | Tên hợp đồng | Thời gian thực hiện | Sản phẩm | Đối tác |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Phú Mỹ | Từ ngày ký đến hết 25 năm kể từ Ngày vận hành thương mại của Nhà máy điện. | Điện năng | Công ty mua bán điện EPTC |
| 2 | Buôn Kuốp | như trên | Điện năng | như trên |
| 3 | Vĩnh Tân 2 | như trên | Điện năng | như trên |
| 4 | Mông Dương 1 | như trên | Điện năng | như trên |

Các Hợp đồng mua bán nhiên liệu đầu vào:

- Hợp đồng mua bán khí Nam Côn Sơn số 01-NCS/PVN-EVN ngày 15/10/2001 ký kết giữa Tổng Công ty Dầu Khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam) và Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) và các Phụ lục sửa đổi, bổ sung đã ký.
- Hợp đồng mua bán khí Cửu Long giữa Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH một thành viên (nay là Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP) và Công ty TNHH một thành viên Nhiệt điện Phú Mỹ (nay là Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Phát điện 3) số 52/2010/KTTT-PVGAS/TM-PMTP/B1 ký ngày 02/4/2010 và các Phụ lục gia hạn, Phụ lục Bổ sung đã ký.

- Hợp đồng nguyên tắc mua bán than cho NMNĐ Mông Dương 1 số 364/HĐNT/TKV-ANĐ1 ký ngày 28/4/2014 giữa Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và Tổng Công ty Phát điện 3 - Đại diện: Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện 1 với thời hạn 25 năm.

Các hợp đồng dài hạn cung cấp vật tư mới, phục hồi vật tư và dịch vụ cung cấp chuyên gia và dịch vụ kỹ thuật với các nhà chế tạo tuabin khí:

- Hợp đồng gia hạn của Hợp đồng dài hạn số 08-03/EVN-AP/PHUMY ký ngày 02/3/2011 giữa Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Phú Mỹ (nay là Tổng Công ty Phát điện 3) với Alstom (Switzerland) (nay là General Electric (SWITZERLAND) GmbH) và Alstom Vietnam Ltd (nay là GE Power Vietnam Ltd. Co) cung cấp vật tư mới, phục hồi vật tư, chuyên gia và dịch vụ kỹ thuật. Hợp đồng này dự kiến sẽ hết hạn vào tháng 04/2018 (sau khi kết thúc đại tu tổ máy GT22 - NMĐ Phú Mỹ 2.1), đây là cơ hội để Tổng Công ty đàm phán hợp đồng mới với các điều kiện thuận lợi hơn cũng như đẩy mạnh sử dụng vật tư tương đương không chính hãng (Non-OEM).

- Hợp đồng gia hạn của của Hợp đồng dài hạn số 12-05/EVN-Siemens/PHUMY ký ngày 18/6/2015 giữa Tổng Công ty Phát điện 3 với Siemens AG và Siemens Vietnam về cung cấp vật tư mới, phục hồi vật tư, chuyên gia và dịch vụ kỹ thuật.

- Hợp đồng gia hạn của của Hợp đồng dài hạn số 11-05/EVN-ITC&MHI/PHUMY ký ngày 11/11/2015 giữa Tổng Công ty Phát điện 3 với MHPS/ITC.

### 4.2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của EVNGENCO 3

**Bảng 12: Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2014 - 9T/2017**

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 | 30/9/2017 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Tổng giá trị tài sản | Tỷ đồng | 83.168 | 84.655 | 85.590 | 85.192 |
| 2 | Vốn Nhà nước theo sổ sách kế toán | Tỷ đồng | 10.686 | 10.865 | 10.933 | 10.949 |
| 3 | Nợ vay ngắn hạn | Tỷ đồng | 7.363 | 3.339 | 3.338 | 604 |
| 4 | Nợ vay dài hạn | Tỷ đồng | 55.188 | 64.973 | 65.842 | 66.341 |
| 5 | Sản phẩm chủ yếu | | | | | |
| | *Điện sản xuất* | *Triệu kWh* | *22.387* | *27.156* | *32.319* | *24.326* |
| | *Điện thương phẩm* | *Triệu kWh* | *21.932* | *26.329* | *30.925* | *23.240* |
| 6 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 27.837 | 28.516 | 36.410 | 28.302 |
| 7 | Tổng chi phí | Tỷ đồng | 27.233 | 28.269 | 36.105 | 28.014 |
| 8 | Lợi nhuận thực hiện | Tỷ đồng | 604 | 247 | 305 | 288 |
| 9 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 519 | 204 | 265 | 226 |
| 10 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn Nhà nước | % | 4,86 | 1,88 | 2,42 | 2,06 |
| 11 | Hệ số khả năng thanh | Lần | 0,65 | 1,32 | 1,77 | 3,03 |

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 | 30/9/2017 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | toán hiện thời | | | | | |
| 12 | Hệ số nợ phải trả trên Vốn CSH | Lần | 6,74 | 8,75 | 8,81 | 6,50 |

*Nguồn: EVNGENCO 3*

### 4.3. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty mẹ - Tổng công ty Phát điện 3

**Bảng 13: Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2014 – 9T/2017**

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 | 30/9/2017 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Tổng giá trị tài sản | Tỷ đồng | 80.895 | 82.286 | 83.397 | 82.995 |
| 2 | Vốn Nhà nước theo sổ sách kế toán | Tỷ đồng | 10.617 | 10.743 | 10.791 | 10.791 |
| 3 | Nợ vay ngắn hạn | Tỷ đồng | 7.284 | 3.291 | 3.289 | 553 |
| 4 | Nợ vay dài hạn | Tỷ đồng | 54.655 | 64.444 | 65.354 | 65.855 |
| 5 | Tổng số lao động bình quân | người | 991 | 1.213 | 1.705 | 1.713 |
| 6 | Tổng quỹ lương | Tỷ đồng | 241,758 | 294,673 | 416,726 | 358,649 |
| 7 | Thu nhập bình quân 1 người/ tháng | Nghìn đồng | 20.329 | 20.244 | 20.367 | 17.447 |
| 8 | Sản phẩm chủ yếu | | | | | |
| | *Điện sản xuất* | *Triệu kWh* | *20.344* | *25.133* | *30.509* | *23.419* |
| | *Điện thương phẩm* | *Triệu kWh* | *19.990* | *24.395* | *29.186* | *22.377* |
| 9 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 24.463 | 25.749 | 33.812 | 27.028 |
| 10 | Tổng chi phí | Tỷ đồng | 24.233 | 25.644 | 33.663 | 26.662 |
| 11 | Lợi nhuận thực hiện | Tỷ đồng | 230,3 | 104,8 | 149,1 | 366,3 |
| 12 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 191,3 | 104,3 | 147,8 | 320,8 |
| 13 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn Nhà nước | % | 1,8 | 0,97 | 1,37 | 2,97 |
| 14 | Hệ số khả năng thanh toán hiện thời | Lần | 0,56 | 1,18 | 1,66 | 3,03 |
| 15 | Hệ số nợ phải trả trên Vốn CSH | Lần | 7,25 | 10,08 | 10,24 | 7,15 |

*Nguồn: EVNGENCO 3*

- *Về tài sản:*

- Tổng tài sản tại 31/12/2015 là 82.286 tỷ đồng, tăng 1.391 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2014 do tài sản ngắn hạn tăng 2.563 tỷ đồng (trong đó: tiền, tài sản ngắn hạn khác và các khoản phải thu ngắn hạn tăng 1.842 tỷ đồng, hàng tồn kho tăng 721 tỷ đồng) ; tài sản dài hạn giảm 1.173 tỷ đồng chủ yếu do hao mòn tài sản.

- Tổng tài sản tại 31/12/2016 là 83.397 tỷ đồng, tăng 1.111 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2015 do tài sản ngắn hạn tăng 5.181 tỷ đồng (trong đó: tiền và các khoản phải thu ngắn hạn tăng 4.655 tỷ đồng, hàng tồn kho tăng 520 tỷ đồng); tài sản dài hạn giảm 4.071 tỷ đồng chủ

yếu do hao mòn tài sản.

▪ *Về vốn chủ sở hữu:* Tại Quyết định số 640/QĐ-EVN ngày 11/09/2013 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc giao vốn điều lệ cho EVNGENCO 3, theo đó vốn điều lệ của EVNGENCO 3 tại thời điểm 01/01/2013 là 12.618 tỷ đồng.

- Theo báo cáo tài chính (Công ty mẹ) vốn Nhà nước của EVNGENCO 3 tại thời điểm 31/12/2013 là 12.673 tỷ đồng, tăng so với Quyết định trên do trích lập quỹ ĐTPT khi phân phối lợi nhuận năm 2013;

- Đến 31/12/2014, vốn chủ sở hữu là 9.809 tỷ đồng, trong đó: vốn Nhà nước tại EVNGENCO 3 là 10.617 tỷ đồng, vốn Nhà nước giảm là do thực hiện chuyển Công ty Thủy điện Huội Quảng - Bản Chát và Ban QLDA Thủy điện 1 về Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo quyết định số 9669/QĐ-BCT ngày 28/10/2014 của Bộ Công Thương với tổng số vốn KHCB và nguồn vốn ĐTXD giảm là - 2.114 tỷ đồng; Chênh lệch tỷ giá hối đoái là - 811 tỷ đồng.

- Đến 31/12/2015, vốn chủ sở hữu là 7.427 tỷ đồng, trong đó: vốn Nhà nước tại EVNGENCO 3 là 10.743 tỷ đồng; Chênh lệch tỷ giá hối đoái là - 3.316 tỷ đồng.

- Đến 31/12/2016, vốn chủ sở hữu là 7.417 tỷ đồng, trong đó: vốn Nhà nước tại EVNGENCO 3 là 10.791 tỷ đồng; Chênh lệch tỷ giá hối đoái là - 3.374 tỷ đồng.

▪ *Về các khoản vay:* Các khoản vay nước ngoài hiện EVNGENCO3 vay lại EVN, cụ thể như sau:

| Stt | Hợp đồng vay lại | ĐVT | Số dư tại 30/09/2017 | | Dự án |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nguyên tệ | Quy đổi VNĐ | |
| 1 | 03/HĐCVL/ADB-EVN-G3 (2610 VIE) | USD | 856.160.000,59 | 19.499.339.822.404 | NMNĐ Mông Dương 1 |
| 2 | 03/HĐCVL/ADB-EVN-G3 (2353 VIE) | USD | 20.071.330,57 | 457.425.623.690 | |
| 3 | 13/EVN-GENCO3/TCKT (KEXIM) | USD | 427.922.221,33 | 9.752.347.424.111 | |
| 4 | 04/HĐCVL/EXIMBANK-EVN-G3 (KV 01) | USD | 299.989.796,67 | 6.836.767.466.109 | NMNĐ Vĩnh Tân 2, Cảng than |
| 5 | 04/HĐCVL/EXIMBANK-EVN-G3 (KV 02) | CNY | 569.938.070,76 | 1.815.657.411.401 | |
| 6 | 04/HĐCVL/EXIMBANK-EVN-G3 (KV 03) | USD | 566.452.840,11 | 12.909.460.226.108 | |
| 7 | 06/HĐCVL/JBIC-EVN-G3 (KV 23/2011) | JPY | 474.266.223,00 | 93.060.518.277 | NMTĐ Buôn Kuốp |
| 8 | 06/HĐCVL/JBIC-EVN-G3 (KV 02/2011) | JPY | 350.790.221,00 | 68.832.057.165 | |
| 9 | 14/HĐCVL/VAYNUOCNGOAI-EVN-G3/USD-(KV BLA06038) | USD | 4.740.181,35 | 108.028.732.967 | NMTĐ Buôn Tua Srah |
| 10 | 14/HĐCVL/VAYNUOCNGOAI-EVN-G3/USD-(KV ANZ) | USD | 11.753.474,67 | 267.861.687.729 | NMTĐ Srêpốk 3 |
| 11 | 01/EVN-Phú Mỹ/TCKT | JPY | 23.602.512.827 | 4.631.285.066.914 | NMNĐ Phú Mỹ 1 |

- *Về lao động và tiền lương:* trong bảng nêu trên chỉ bao gồm lực lượng SXĐ và dịch vụ sửa chữa của Công ty mẹ - EVNGENCO 3 (không bao gồm quản lý dự án và chuẩn bị sản xuất được hạch toán từ nguồn của các dự án).

- *Về kết quả kinh doanh:* Các năm từ năm 2014 đến tháng 9/2017, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của EVNGENCO 3 đều có lãi.

- Đến 31/12/2014, EVNGENCO 3 đã phân bổ hết số lỗ chênh lệch tỷ giá còn treo lại của các năm trước;

- Đến 31/12/2015, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là 3.316 tỷ đồng, trong đó của giai đoạn sản xuất kinh doanh là 1.379 tỷ đồng (số lỗ chênh lệch tỷ giá này được phép phân bổ vào chi phí trong vòng 05 năm) và các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành là 1.937 tỷ đồng (theo quy định hiện hành được phép phân bổ vào chi phí trong vòng 05 năm kể từ khi công trình đưa vào sử dụng);

- Đến 31/12/2016, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là 3.374 tỷ đồng, trong đó của giai đoạn sản xuất kinh doanh là 1.865 tỷ đồng và các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành là 1.509 tỷ đồng, tiếp tục phân bổ vào chi phí theo quy định.

- Năm 2017, dự kiến số lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm 2017 là 181 tỷ đồng, số lỗ chênh lệch tỷ giá dự kiến đưa vào chi phí năm 2017 là 1.324 tỷ đồng. Tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá dự kiến còn lại đến 31/12/2017 là 2.231 tỷ đồng.

- *Về khả năng sinh lời:* Tỷ suất lợi nhuận/Vốn nhà nước bình quân 2014 - 2016 khoảng 1,38%/năm.

- *Về hệ số nợ/vốn chủ sở hữu:*

- Thời điểm Tập đoàn điện lực Việt Nam bàn giao vốn và tài sản cho EVNGENCO 3 (thời điểm 01/01/2013), hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu là 3,52 lần. Do các dự án thuộc EVNGENCO 3 quản lý chủ yếu sử dụng nguồn vốn vay; biến động tỷ giá ngoại tệ làm lỗ chênh lệch tỷ giá còn treo lại đến 31/12/2016 là 3.374 tỷ đồng dẫn đến hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu cao.

- Nợ vay dài hạn của EVNGENCO 3 tập trung chủ yếu ở 02 nhà máy nhiệt điện: Mông Dương 1 và Vĩnh Tân 2 (chiếm khoảng 83,4% nợ vay dài hạn tại thời điểm 31/12/2016). Chủ yếu là các khoản vay nước ngoài EVNGENCO 3 vay lại từ EVN (khoản vay Ngân hàng China Eximbank cho dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 chiếm khoảng 30,8%; khoản vay ADB và KEXIM

cho dự án Nhiệt điện Mông Dương 1 chiếm khoảng 44% tổng dư nợ vay dài hạn).

### 4.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của EVNGENCO 3

- Tình hình thủy văn: trong năm 2015 - 2016, tình hình thủy văn không thuận lợi ảnh hưởng đến kết quả hoạt động SXKD của Công ty Thủy điện Buôn Kuốp. Sang năm 2017, tình hình thủy văn thuận lợi nên kết quả SXKD của Công ty Thủy điện Buôn Kuốp tốt hơn do sản lượng điện đạt 229% so với cùng kỳ năm 2016.
- Tình hình cung cấp khí và phụ tải: với khả dụng cho phép thì lượng khí thiếu hụt để phát điện cho các nhà máy nhiệt điện khí khu vực Đông Nam Bộ là khoảng 1,5 triệu m3 khí/ngày. Bên cạnh đó, tùy thuộc vào nhu cầu phụ tải của hệ thống điện và tình hình thủy văn chung của các nhà máy thủy điện, sản lượng điện huy động của các nhà máy nhiệt điện nói chung cũng có ảnh hưởng.
- Vấn đề chênh lệch tỷ giá: biến động tỷ giá trong năm 2015 - 2016, đặc biệt là đồng Đôla Mỹ dẫn đến phát sinh các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong SXKD và ĐTXD.
- Theo thông tư 56/2014/TT-BCT ngày 19/12/2014 của Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá điện, trình tự kiểm tra HĐ mua bán điện, hàng năm, căn cứ tổng vốn vay ngoại tệ, kế hoạch trả nợ vốn vay ngoại tệ, số liệu trả nợ gốc vay thực tế, tỷ giá quy đổi đã được hai bên thỏa thuận trong phương án giá điện, tỷ giá quy đổi thực hiện năm liền kề trước, hai bên thực hiện tính toán chênh lệch tỷ giá và đề xuất phương án thanh toán gửi Cục Điều tiết điện lực kiểm tra trình Bộ Công Thương xem xét quyết định phương án thanh toán.
- Trong năm 2015 - 2017, EVNGENCO 3 tiến hành các thủ tục theo chỉ đạo của EVN:

- Thành lập Công ty Nhiệt điện Mông Dương; Tiếp nhận Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức; Bàn giao Chủ đầu tư dự án NMNĐ Vĩnh Tân 4 về lại EVN.
- Thành lập: Công ty dịch vụ Sửa chữa các nhà máy điện EVNGENCO 3, Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ và Công ty Nhiệt điện Thái Bình.

### 4.5. Vị thế của EVNGENCO 3 so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

#### *4.5.1. Vị thế của EVNGENCO 3 trong ngành*

**Công suất lắp đặt:**

Tổng công suất lắp đặt các nhà máy điện trong EVNGENCO 3 (không bao gồm CTCP ĐL Dầu khí Nhơn Trạch 2 và CTCP Điện Việt- Lào) đạt 6.543 MW chiếm khoảng 16% công suất đặt của toàn hệ thống điện. Phân theo loại hình nhà máy của EVNGENCO 3, thủy điện chiếm khoảng 2,26%, nhiệt điện than chiếm khoảng 5,77%, tuabin khí chiếm khoảng 6,97% công suất

phát điện của toàn hệ thống điện. Các nhà máy điện của EVNGENCO 3 có trình độ công nghệ và thiết bị tương đối hiện đại.

Phần lớn nguồn điện của EVNGENCO 3 cung cấp cho phụ tải miền Nam – khu vực có yêu cầu tăng trưởng cao sản lượng điện trong khi nguồn tại chỗ chưa đủ cung cấp và giới hạn truyền tải của hệ thống điện 500kV Bắc – Trung – Nam nên các nhà máy điện của EVNGENCO 3 tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong thời gian tới.

**Sơ đồ 3: Cơ cấu ngành điện Việt Nam theo công suất lắp máy**

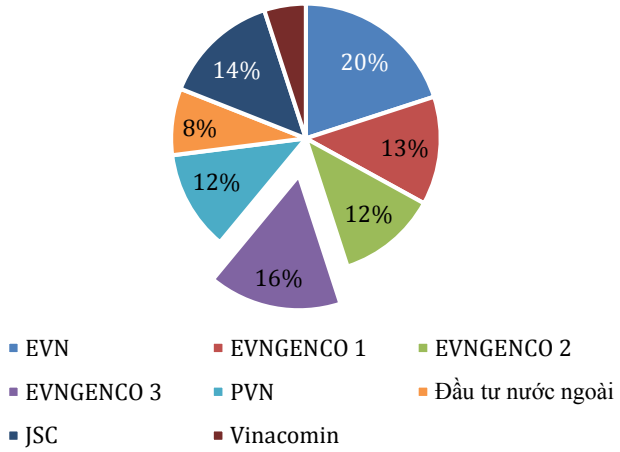


*Nguồn: EVNGENCO 3*

**Sản lượng điện sản xuất:**

**Bảng 14: Sản lượng điện sản xuất của EVNGENCO 3 so với cả nước**

*Đơn vị: triệu kWh*

| Đơn vị sản xuất | 2014 | 2015 | 2016 | 2017 |
|---|---|---|---|---|
| EVNGENCO 3 | 22.457 | 27.156 | 33.654 | 33.144 |
| Cả nước | 143.303 | 159.680 | 176.990 | 192.450 |

*Nguồn: EVNGENCO 3*

Về sản lượng điện sản xuất, năm 2016 EVNGENCO 3 sản xuất được 33,654 tỷ kWh điện, chiếm 19,05% sản lượng điện cả nước; năm 2017 sản xuất được 33,144 tỷ kWh, chiếm 17,22% sản lượng điện toàn hệ thống điện quốc gia.

### *4.5.2. Triển vọng phát triển của ngành*

Ngành Điện Việt Nam là một trong những ngành then chốt, hấp dẫn đầu tư do tốc độ tăng trưởng kinh tế, nhu cầu sử dụng điện năng tại Việt Nam ngày một tăng cao và kỳ vọng tiếp tục phát triển. Sản lượng điện tiếp tục gia tăng, từ 101,5 tỷ kWh vào năm 2011 lên khoảng 159,68 tỷ kWh vào năm 2015, bình quân tăng khoảng 11,6%/năm, công suất đặt tăng từ 24.744 MW vào năm 2011 lên đến 38.800 MW vào năm 2015, bình quân tăng khoảng 11,9%/năm.

Theo Quy hoạch điện VII điều chỉnh, nhằm cung cấp đủ nhu cầu điện trong nước, đáp ứng cho Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cả nước với mức tăng trưởng GDP bình quân khoảng 7,0%/năm trong giai đoạn 2016 - 2030. Với mức tăng trưởng GDP 7.0%/năm, dự kiến nhu cầu sử dụng điện trên toàn quốc tăng trưởng bình quân 10,6%/năm, mục tiêu cụ thể phát triển nguồn điện như sau:

- Điện thương phẩm: Năm 2020 khoảng 235 - 245 tỷ kWh; năm 2025 khoảng 352 - 379 tỷ kWh; năm 2030 khoảng 506 - 559 tỷ kWh.
- Điện sản xuất và nhập khẩu: Năm 2020 khoảng 265 - 278 tỷ kWh; năm 2025 khoảng 400 - 431 tỷ kWh và năm 2030 khoảng 572 - 632 tỷ kWh.

Cũng theo Quy hoạch điện VII điều chỉnh, Tổng mức đầu tư cho ngành điện Việt Nam giai đoạn 2016 - 2020 là 858,66 nghìn tỷ đồng (tương đương gần 40 tỷ USD, trung bình 7,9 tỷ USD/năm), giai đoạn 2021 - 2030 là 2.347,99 nghìn tỷ đồng (tương đương 108 tỷ USD, trung bình hơn 10,8 tỷ USD/năm), trong đó khoảng 74% giá trị là dành cho đầu tư nguồn điện. Do đó nhu cầu vốn đầu tư trong thời gian tới rất cao và mang lại hiệu quả hấp dẫn.

Ngành điện trong thời gian tới có những lợi thế do nhu cầu sử dụng điện ngày một gia tăng do sự phát triển kinh tế và các yếu tố xã hội con người.

Thực hiện tái cơ cấu ngành điện để từng bước phát triển thị trường điện cạnh tranh lành mạnh trên cơ sở bảo đảm an ninh cung cấp điện, giảm chi phí, nâng cao hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh điện; đưa ra tín hiệu giá một cách công khai, minh bạch để thu hút đầu tư, phát triển ngành điện bền vững. Nhằm chuyển đổi cơ cấu thị trường, ngày 08/11/2013, Quyết định số 63/2013/QĐ-TTg được ban hành, quy định về lộ trình, các điều kiện và cơ cấu ngành điện để hình thành và phát triển các cấp độ thị trường điện lực Việt Nam, hướng đến năm 2023 thị trường điện bán lẻ cạnh tranh sẽ được vận hành.

Điện lực được đánh giá là ngành thiết yếu của nền kinh tế quốc dân, phục vụ sản xuất kinh doanh và đáp ứng nhu cầu sinh hoạt. Sự phát triển của ngành điện có ý nghĩa nền tảng đối với

công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước nói riêng và sự phát triển của nền kinh tế nói chung.

### *4.5.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của EVNGENCO 3 với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới*

Theo sát sự điều chỉnh về quy hoạch điện, EVNGENCO 3 đã từng bước thể hiện sự đúng đắn trong định hướng phát triển và hoạt động phù hợp với định hướng của ngành và chính sách nhà nước.

Các nhà máy trực thuộc EVNGENCO 3 đều tham gia chào giá trực tiếp thị trường điện, tuân thủ đúng các quy định vận hành của thị trường điện và chủ động trong công tác vận hành, cụ thể như sau:

- Nghiên cứu và xây dựng chiến lược chào giá hiệu quả nhằm chủ động phương thức huy động và khai thác hiệu quả các tổ máy.
- Chủ động bố trí phương thức sửa chữa, nâng cao độ tin cậy của thiết bị, hệ thống, đảm bảo cho sản xuất ổn định.
- Đầu tư thiết bị và đào tạo phát triển nguồn nhân lực để sẵn sàng tham gia Thị trường điện bán buôn theo lộ trình của Chính phủ.

## PHẦN 4: CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA EVNGENCO 3 SAU CỔ PHẦN HÓA

### 1. GIỚI THIỆU VỀ DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA

#### 1.1. Thông tin cơ bản

- Tên tiếng Việt: TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 - CÔNG TY CỔ PHẦN
- Tên giao dịch: TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3
- Tên đầy đủ tiếng Anh: POWER GENERATION JOINT STOCK CORPORATION 3
- Tên viết tắt: EVNGENCO 3
- Trụ sở: Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Điện thoại: (0254) 387 6927
- Fax: (0254) 387 6930
- Website: http://www.genco3.com
- Logo:

EVNGENCO 3

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh

- Ngành nghề, kinh doanh chính:
- Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Đầu tư và quản lý vốn đầu tư các dự án nguồn điện; các dự án năng lượng mặt trời, năng lượng tái tạo;
- Quản lý, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, thí nghiệm, hiệu chỉnh, cải tạo, nâng cấp thiết bị điện, cơ khí, điều khiển, tự động hóa thuộc dây chuyền sản xuất điện, công trình điện; thí nghiệm điện; cơ khí điện lực;
- Tư vấn quản lý dự án, tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, tư vấn đấu thầu, lập dự toán; tư vấn thẩm tra và giám sát thi công công trình nguồn điện và các công trình lưới điện đồng bộ các dự án nguồn điện; tư vấn hoạt động chuẩn bị sản xuất cho các nhà máy điện;
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Ngành nghề, liên quan phục vụ trực tiếp ngành, nghề kinh doanh chính:
- Thi công xây lắp các công trình điện và công trình xây dựng;
- Xuất nhập khẩu nhiên liệu, nguyên vật liệu, vật tư thiết bị ngành điện;
- Khai thác, chế biến, kinh doanh nhiên liệu, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất điện;

- Sản xuất vật liệu xây dựng, vật liệu cách điện, vật liệu cách nhiệt; trang bị bảo hộ lao động;
- Tư vấn quản lý dự án, tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, tư vấn đấu thầu, lập dự toán và giám sát thi công công trình viễn thông - công nghệ thông tin, các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Các ngành, nghề khác được Đại hội cổ đông chấp thuận theo quy định của pháp luật Việt Nam.

## 1.3. Mô hình tổ chức sau khi cổ phần hóa

### *1.3.1. Cơ cấu tổ chức*

Cơ cấu tổ chức quản lý của EVNGENCO 3 khi chuyển sang mô hình công ty cổ phần bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị (HĐQT): 05 thành viên hoặc nhiều hơn theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- Ban kiểm soát: 03 - 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu;
- Ban Tổng hợp: Thực hiện chức năng giúp việc cho HĐQT để thực thi nhiệm vụ quản trị EVNGENCO 3 theo đúng điều lệ CTCP;
- Tổng giám đốc (TGĐ);
- Các Phó tổng giám đốc (PTGĐ): phụ giúp Tổng giám đốc trong các hoạt động quản lý, điều hành Tổng công ty theo các lĩnh vực được phân công phụ trách.
- Bộ máy giúp việc bao gồm: Văn phòng, 10 Ban chuyên môn, nghiệp vụ giúp việc cho Ban TGĐ theo đúng chức năng, nhiệm vụ cụ thể, bao gồm: Ban Tổ chức và Nhân sự, Ban Thanh tra Bảo vệ, Ban Pháp chế, Ban Tài chính - Kế toán, Ban Kế hoạch, Ban Kỹ thuật - Sản xuất, Ban An toàn, Ban Quản lý Đấu thầu, Ban Quản lý Đầu tư - Xây dựng, Ban Kinh doanh - Thị trường điện.

Mô hình tổ chức quản lý và kinh doanh của EVNGENCO 3 sau cổ phần hóa:

**Sơ đồ 4: Mô hình tổ chức Tổng công ty tại thời điểm chuyển giao thành Công ty cổ phần:**

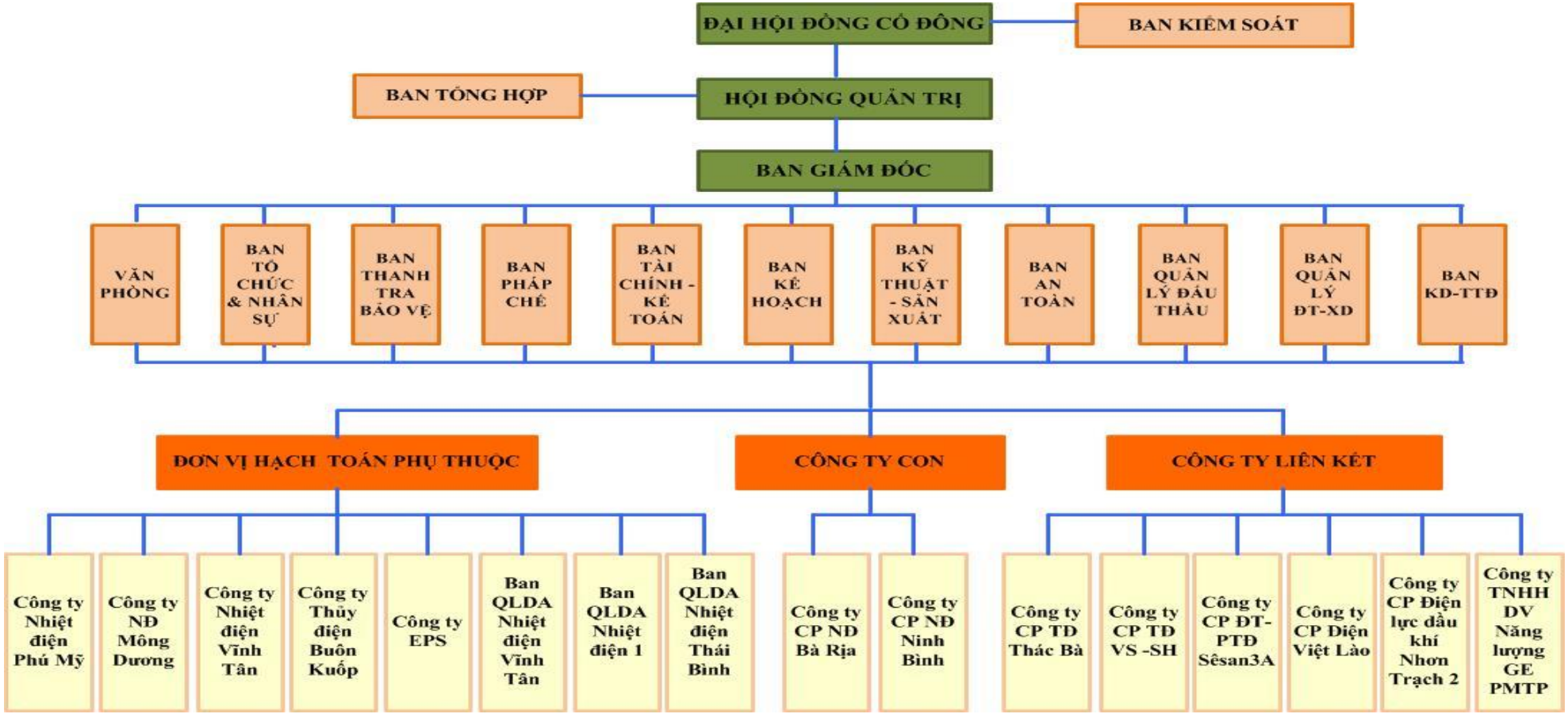

### *1.3.2. Cơ cấu sở hữu*

**Bảng 15: Cơ cấu sở hữu của EVNGENCO 3 sau CPH**

| STT | Tên công ty | Vốn điều lệ (tr.đ) | Tỷ lệ nắm giữ (%) | Số lượng cổ phần nắm giữ | Giá trị vốn góp (tr.đ) |
|---|---|---|---|---|---|
| **Công ty con** | | | | | |
| 1 | Cty CP Nhiệt điện Bà Rịa | 604.856 | 79,56 | 48.123.557 | 481.236 |
| 2 | Cty CP Nhiệt điện Ninh Bình | 128.655 | 54,76 | 7.045.440 | 70.454 |
| **Công ty liên kết** | | | | | |
| 1 | Cty CP Thủy điện Thác Bà | 635.000 | 30,00 | 19.050.000 | 190.500 |
| 2 | Cty CP Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh | 2.062.412 | 30,55 | 63.016.948 | 517.058 |
| 3 | Công ty CP đầu tư và phát triện điện Sê San 3A | 280.000 | 30,00 | 8.400.000 | 84.000 |
| 4 | Công ty cổ phần điện lực Dầu khí - Nhơn Trạch 2 | 2.878.760 | 2,50 | 7.121.920 | 64.000 |
| 5 | Công ty cổ phần điện Việt Lào | 3.250.000 | 0,60 | 1.960.000 | 19.600 |
| 6 | Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE PMTP | 496.424 | 15,00 | - | 74.464 |

*Nguồn: EVNGENCO 3*

Để quản lý phần vốn đầu tư tại các công ty cổ phần EVNGENCO 3 tham gia góp vốn, EVNGENCO 3 cử người đại diện quản lý phần vốn tại các đơn vị, giới thiệu tham gia Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát; biểu quyết các vấn đề liên quan tại Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông của Công ty con theo định hướng của EVNGENCO 3 trên cơ sở số cổ phần có quyền biểu quyết mà EVNGENCO 3 đang nắm giữ và theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Căn cứ Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg và Đề án tái cơ cấu của EVNGENCO 3 đã được EVN phê duyệt tại Quyết định số 138/QĐ-EVN ngày 31/7/2017, EVNGENCO3 xây dựng phương án thoái vốn cổ phần tại các đơn vị có mức nhỏ hơn 10% vốn điều lệ sau khi hoàn thành CPH EVNGENCO 3 để tập trung vốn đầu tư nguồn điện mới theo Đề án tái cơ cấu EVNGENCO 3, cụ thể là Công ty cổ phần điện lực Dầu khí - Nhơn Trạch 2 (7.121.920 cổ phần) và Công ty cổ phần điện Việt Lào (1.960.000 cổ phần).

## 1.4. Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa

EVNGENCO 3 đã rà soát, xây dựng phương án sử dụng đất và xin ý kiến của các Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh theo quy định. Phương án sử dụng đất của tất cả các khu đất EVNGENCO 3 đang quản lý, sử dụng (các khu đất ở các Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Đăk Lăk, Đăk Nông, Bình Thuận,

Quảng Ninh) đã được Ủy ban nhân dân các Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Đăk Lăk, Đăk Nông, Bình Thuận, Quảng Ninh phê duyệt.

Theo phương án sử dụng đất được UBND các Tỉnh phê duyệt, EVNGENCO3 được tiếp tục sử dụng đất theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm; có 01 khu đất là trụ sở làm việc của Ban QLDANĐ Vĩnh Tân tại TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận được tiếp tục giao đất có thu tiền sử dụng đất. Đối với khu đất của EVNGENCO 3 mà phương án sử dụng đất là EVNGENCO 3 được tiếp tục sử dụng đất theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất, giá trị khu đất này đã được tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa EVNGENCO 3 theo quy định.

Ngày 23/8/2017, EVN có Công văn số 3899/EVN-KH báo cáo Bộ Tài chính về phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa của EVNGENCO 3 và đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 1376/BTC-QLCS ngày 11/10/2017.

Phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa của EVNGENCO 3 như sau:

**Bảng 16: Phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa**

| STT | Địa chỉ lô đất | Diện tích ($m^2$) | Hình thức sử dụng đất | Thời hạn | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Cơ quan EVNGENCO 3 | 1.040.722,5 | Thuê đất trả tiền hàng năm | 50 năm | Trong phần diện tích đất của Cơ quan EVNGENCO 3 có: Khu QLVH-SC PM1 với diện tích 17.863,1 m2, giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị doanh nghiệp là 28.421.402.869 đồng; Khu nhà QLVHSC PM4 với diện tích 72.713,4 m2, giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị doanh nghiệp là 35.813.085.158 đồng Đến tháng 8/2017 (sau thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp), UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có văn bản phê duyệt Phương án sử dụng đất, theo đó các khu đất khu nhà quản lý vận hành PM1, PM4 chuyển từ giao đất qua thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm. Như vậy theo quy định, không tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp đối với các khu đất khu nhà quản lý vận hành PM1, PM4. Theo đó, giá trị thực tế doanh nghiệp giảm so với Quyết định số 3396/QĐ-BCT ngày 31/8/2017 là 31.154.463.103 đồng.<br>Trong phần diện tích đất của Cơ quan EVNGENCO3 không bao gồm phần diện tích 16.798m2 đất đường giao thông và hạ tầng văn hóa thuộc Khu QLVH Phú |

| STT | Địa chỉ lô đất | Diện tích ($m^2$) | Hình thức sử dụng đất | Thời hạn | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Mỹ 1 và Phú Mỹ 4 do phần đất này UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu yêu cầu trả lại cho nhà nước để sử dụng vào mục đích phù hợp với quy hoạch theo Văn bản số 6158/UBND-VP ngày 25/8/2015 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. |
| 2 | Công ty Thủy điện Buôn Kuốp | 2.323.656,9 | Thuê đất trả tiền hàng năm | 50 năm, 70 năm | Trong phần diện tích đất của Công ty Thủy điện Buôn Kuốp có Khu QLVH Mai Xuân Thưởng với diện tích 20.184 m2, giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị doanh nghiệp là 48.009.062.508 đồng.Đến tháng 8/2017 (sau thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp), UBND tỉnh Đắk Lăk có văn bản phê duyệt Phương án sử dụng đất, theo đó khu đất khu nhà quản lý vận hành của Công ty Thủy điện Buôn Kuốp chuyển từ giao đất qua thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm. Như vậy theo quy định, không tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp đối với các khu đất khu nhà quản lý vận hành của Công ty Thủy điện Buôn Kuốp. Theo đó, giá trị thực tế doanh nghiệp giảm so với Quyết định số 3396/QĐ-BCT ngày 31/8/2017 là 20.775.620.082 đồng.<br>Trong phần diện tích đất của Công ty Thủy điện Buôn Kuốp không bao gồm diện tích đất lòng hồ, do pháp luật hiện hành về đất đai không quy định việc giao/thuê đất có mặt nước là hồ thủy điện (đất lòng hồ thủy điện) cho đơn vị quản lý, vận hành nhà máy thủy điện, vì vậy EVN không đưa phương án sử dụng đất lòng hồ vào phương án sử dụng đất khi cổ phần hoá của EVNGENCO3. |
| 2.1 | Nhà máy thủy điện Buôn Kuốp, Buôn Tua Srah và Srêpốk 3 – tỉnh Đắk Lăk | 1.477.979 | Thuê đất trả tiền hàng năm | 70 năm | |
| 2.2 | Nhà máy thủy điện Buôn Kuốp, Buôn Tua Srah và Srêpốk 3 – tỉnh Đắk Nông;<br>Khu QLVH | 875.677,9 | Thuê đất trả tiền hàng năm | 50 năm | |
| 3 | BQLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân/ Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân | 3.712.845,4 | Thuê đất trả tiền hàng năm, giao đất | 50 năm, 70 năm | Trong phần diện tích đất của BQLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân có: Khu đất trụ sở làm việc BQLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân với diện tích 1.900,5 m2, giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị doanh nghiệp và vốn nhà nước là 6.591.892.680 đồng. |
| 3.1 | Cảng nhập than;<br>Nhà máy Vĩnh Tân 2; | 3.675.823,1 | Thuê đất trả tiền hàng năm | 70 năm | |

| STT | Địa chỉ lô đất | Diện tích ($m^2$) | Hình thức sử dụng đất | Thời hạn | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| | Đường vào bãi xỉ;<br>Khu QLVH | | | | |
| 3.2 | Trụ sở làm việc<br>Kết cấu hạ tầng; | 37.022,3 | Giao đất<br><br>Thuê đất | 50 năm | |
| 4 | BQLDA Nhiệt điện 1/ Công ty Nhiệt điện Mông Dương | 4.044.500 | Thuê đất trả tiền hàng năm | 25 năm | |

*Nguồn: EVNGENCO 3*

### *1.4.1. Cơ quan EVNGENCO 3:*

- Địa chỉ: thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- Diện tích đất: 1.057.520,5 m2, bao gồm:
  - Diện tích khu đất xây dựng các nhà máy điện và các công trình phụ trợ: 955.751m2
  - Diện tích khu đất xây dựng khu nhà quản lý vận hành sửa chữa nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ 1: 16.809,1 m2.
  - Diện tích khu đất xây dựng khu nhà quản lý vận hành và sửa chữa Phú Mỹ 4: 56.969,4 m2, đồng thời phải chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất ở cho phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.
- Hình thức sử dụng đất: việc thuê đất hoặc giao đất để thực hiện dự án đối với các khu đất trên được thực hiện theo quy định tại khoản 27 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.
  - Khu đất xây dựng kênh nước thải làm mát các nhà máy điện có diện tích 11.193 m2 nằm trong Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, Tổng công ty đã thuê lại đất của Công ty Đầu tư và khai thác hạ tầng Khu công nghiệp Đông Xuyên và Phú Mỹ 1 (Hợp đồng số 20/HĐ/TLĐ/IZICO ngày 16/9/2016.
  - Diện tích đất không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất khoảng 16.798 m2 thuộc quy

hoạch là đất giao thông, đất hạ tầng văn hóa thì Tổng công ty phải trả lại cho nhà nước để sử dụng vào mục đích phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương.

- Phương án sử dụng đất sau khi chuyển sang công ty cổ phần: Theo Công văn số 6158/UBND-VP của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ngày 25/8/2015 về việc ý kiến đối với phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa của Tổng công ty Phát điện 3.

### *1.4.2. Công ty Thủy điện Buôn Kuốp*

#### a. Công trình thủy điện Buôn Kuốp

***Địa bàn tỉnh Đắk Lắk***

- Diện tích đất xây dựng các công trình 534.241 m2 gồm:

+ Diện tích đất khu vực Nhà máy và công trình phụ trợ: 203.309 m2.
  Địa chỉ: xã Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
+ Diện tích đất khu vực Đập chính, đập tràn: 202.530 m2.
  Địa chỉ: xã Ea Na, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.
+ Diện tích đất khu vực Cửa nhận nước: 128.402 m2
  Địa chỉ: xã Đray Sap, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

- Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.
- Phương án sử dụng đất sau khi chuyển sang công ty cổ phần: Tổng công ty Phát điện 3 được tiếp tục quản lý, sử dụng theo công văn số 6294/UBND-NN&MT của UBND tỉnh Đắk Lắk ngày 10/8/2017.

***Địa bàn tỉnh Đắk Nông***

- Diện tích đất xây dựng các công trình: 427.500 m2
  Địa chỉ: xã Nam Đà, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.
- Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.
- Phương án sử dụng đất sau khi chuyển sang công ty cổ phần: Tổng công ty Phát điện 3 được tiếp tục quản lý, sử dụng theo công văn số 4313/UBND-NN của UBND tỉnh Đắk Nông ngày 11/8/2017.

#### b. Công trình thủy điện Buôn Tua Srah

***Địa bàn tỉnh Đắk Lắk***

- Diện tích đất xây dựng Đập chính và nhà trực vận hành hiện trường là 388.138 m2
  Địa chỉ: xã Nam Ka, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Hình thức sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.
- Phương án sử dụng đất sau khi chuyển sang công ty cổ phần: Tổng công ty Phát điện 3 được tiếp tục quản lý, sử dụng theo công văn số 6294/UBND-NN&MT của UBND tỉnh Đắk Lắk ngày 10/8/2017.

***Địa bàn tỉnh Đắk Nông***

- Diện tích đất xây dựng các công trình chính và công trình phụ trợ: 301.999 m2

  Địa chỉ: xã Quảng Phú, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.
- Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.
- Phương án sử dụng đất sau khi chuyển sang công ty cổ phần: Tổng công ty Phát điện 3 được tiếp tục quản lý, sử dụng theo công văn số 4313/UBND-NN của UBND tỉnh Đắk Nông ngày 11/8/2017.

**c. Công trình thủy điện Srêpốk 3**

***Địa bàn tỉnh Đắk Lắk***

- Diện tích đất xây dựng công trình 525.600 m2, cụ thể:

+ Diện tích khu vực Đập chính, đập tràn 360.700 m2

+ Diện tích khu vực Nhà trực, vận hành và sửa chữa tại hiện trường: 37.900 m2.

+ Diện tích khu vực Nhà máy và cửa nhận nước: 127.000 m2

  Địa chỉ: xã Tân Hòa, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.
- Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.
- Phương án sử dụng đất sau khi chuyển sang công ty cổ phần: Tổng công ty Phát điện 3 được tiếp tục quản lý, sử dụng theo công văn số 6294/UBND-NN&MT của UBND tỉnh Đắk Lắk ngày 10/8/2017.

***Địa bàn tỉnh Đắk Nông***

- Diện tích đất xây dựng các công trình chính và công trình phụ trợ: 125.994,9 m2

  Địa chỉ: xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.
- Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.
- Phương án sử dụng đất sau khi chuyển sang công ty cổ phần: Tổng công ty Phát điện 3 được tiếp tục quản lý, sử dụng theo công văn số 4313/UBND-NN của UBND tỉnh Đắk Nông ngày 11/8/2017.

**d. Khu quản lý vận hành các nhà máy Thủy điện trên sông Srêpốk**

- Diện tích đất: 20.184 m2

- Địa chỉ: đất thuộc thửa đất số 71, tờ bản đồ số 06 tại phường Thành Nhất, thành phố Buôn Ma Thuột.
- Hiện trạng: sử dụng đúng mục đích đất được giao; sử dụng ổn định, không xảy ra tranh chấp
- Hình thức sử dụng đất: khi cổ phần hóa, doanh nghiệp chuyển sang thuê đất theo quy định.
- Phương án sử dụng đất sau khi chuyển sang công ty cổ phần: Tổng công ty Phát điện 3 được tiếp tục quản lý, sử dụng theo công văn số 6294/UBND-NN&MT của UBND tỉnh Đắk Lắk ngày 10/8/2017.

### *1.4.3. Công ty nhiệt điện Vĩnh Tân*

**a. Khu đất xây dựng cảng nhập than Trung tâm điện lực Vĩnh Tân**

+ Địa chỉ: xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận
+ Diện tích khu đất: 1.959.992 m2
+ Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.
+ Thời hạn sử dụng đất: đến ngày 10/9/2080
+ Loại đất: Đất giao thông.
+ Phương án sử dụng đất sau khi chuyển sang công ty cổ phần: Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân tiếp tục được quản lý và sử dụng khu đất theo Quyết định số 2902//QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Thuận ngày 29/10/2015 về việc phê duyệt phương án sử dụng đất của Tổng công ty Phát điện 3.

**b. Khu đất Trụ sở làm việc Ban quản lý nhiệt điện Vĩnh Tân**

+ Địa chỉ: khu phố 5, đại lộ Hùng Vương, phường Phú Thủy, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận
+ Diện tích khu đất: 1.900,5 m2
+ Hình thức sử dụng đất: Đất giao có thu tiền sử dụng đất
+ Thời hạn sử dụng đất: đến ngày 14/12/2059
+ Loại đất: Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh
+ Phương án sử dụng đất sau khi chuyển sang công ty cổ phần: Công ty nhiệt điện Vĩnh Tân tiếp tục được quản lý và sử dụng khu đất theo Quyết định số 2902/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Thuận ngày 29/10/2015 về việc phê duyệt phương án sử dụng đất của Tổng công ty Phát điện 3.

**c. Khu đất xây dựng kết cấu hạ tầng Trung tâm điện lực Vĩnh Tân (hạng mục cấp nước thi công)**

+ Địa chỉ: xã Vĩnh Hảo, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.
+ Diện tích khu đất: 6.687 m2
+ Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.
+ Thời hạn sử dụng đất: đến ngày 17/6/2059
+ Loại đất: Đất công trình năng lượng
+ Phương án sử dụng đất sau khi chuyển sang công ty cổ phần: Công ty nhiệt điện Vĩnh Tân tiếp tục được quản lý và sử dụng khu đất theo Quyết định số 2902/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Thuận ngày 29/10/2015 về việc phê duyệt phương án sử dụng đất của Tổng công ty Phát điện 3.

**d. Khu đất xây dựng kết cấu hạ tầng Trung tâm điện lực Vĩnh Tân (phần tuyến ống dẫn nước)**

+ Địa chỉ: xã Vĩnh Hảo và xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.
+ Diện tích khu đất: 28.434,8 m2
+ Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.
+ Thời hạn sử dụng đất: đến ngày 17/6/2059
+ Loại đất: Đất công trình năng lượng
+ Phương án sử dụng đất sau khi chuyển sang công ty cổ phần: Công ty nhiệt điện Vĩnh Tân tiếp tục được quản lý và sử dụng khu đất theo Quyết định số 2902/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Thuận ngày 29/10/2015 về việc phê duyệt phương án sử dụng đất của Tổng công ty Phát điện 3.

**e. Khu đất Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2**

+ Địa chỉ: Xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.
+ Diện tích khi đất: 1.587.396,1m2
+ Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.
+ Thời hạn sử dụng đất: đến ngày 02/8/2081
+ Loại đất: Đất công trình năng lượng
+ Phương án sử dụng đất sau khi chuyển sang công ty cổ phần: Diện tích này Tổng Công ty Phát điện 3 được cho thuê theo Quyết định số 1217/QĐ-UBND ngày 29/4/2016 của UBND tỉnh Bình Thuận - sau thời điểm UBND tỉnh Bình Thuận có ý kiến về Phương án sử dụng đất.

**f. Khu đất đường vào bãi xỉ**

+ Địa chỉ: Xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.
+ Diện tích khi đất: **48.459,1m2**
+ Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.
+ Thời hạn sử dụng đất: đến ngày 02/8/2081
+ Loại đất: Đất giao thông
+ Phương án sử dụng đất sau khi chuyển sang công ty cổ phần: Diện tích này Tổng Công ty Phát điện 3 được cho thuê theo Quyết định số 1982/QĐ-UBND ngày 13/7/2017 của UBND tỉnh Bình Thuận - sau thời điểm UBND tỉnh Bình Thuận có ý kiến về Phương án sử dụng đất.

**g. Khu quản lý vận hành Nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 2 và Vĩnh Tân 4**

+ Địa chỉ: Xã Bình Thạnh, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.
+ Diện tích khi đất: **79.975.9 m2**
+ Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.
+ Thời hạn sử dụng đất: đến ngày 28/11/2083
+ Loại đất: Đất thương mại, dịch vụ
+ Phương án sử dụng đất sau khi chuyển sang công ty cổ phần: Diện tích này Tổng Công ty Phát điện 3 được cho thuê theo Quyết định số 1583/QĐ-UBND ngày 06/6/2016 của UBND tỉnh Bình Thuận - sau thời điểm UBND tỉnh Bình Thuận có ý kiến về Phương án sử dụng đất.

### *1.4.4. Công ty Nhiệt điện Mông Dương*

Căn cứ theo công văn số 5559/UBND-QLĐĐ2 của UBND tỉnh Quảng Ninh ngày 22/9/2015 về phương án sử dụng đất của Tổng công ty Phát điện 3, hiện nay Tổng công ty Phát điện 3 đang hoàn thiện thủ tục đầu tư và hồ sơ thuê đất đối với các dự án tại thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, gồm:

+ Nhà máy nhiệt điện Mông Dương 1 và các công trình phụ trợ;
+ Bãi thải xỉ;
+ Các công trình phụ trợ Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương;
+ Hệ thống nước ngọt.

Ngày 15/6/2017, UBND tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định số 2282/QĐ-UBND cho GENCO3 thuê đất xây dựng nhà máy nhiệt điện Mông Dương 1 giai đoạn 1, diện tích

2.000.844m2. Phần diện tích còn lại Tổng Công ty đang tiếp tục hoàn thiện hồ sơ thực hiện thủ tục thuê đất.

## 2. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ

### 2.1. Vốn điều lệ

Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thời điểm 0h ngày 01/01/2015 được phê duyệt tại Quyết định số 3396/QĐ-BCT ngày 31/08/2017 là 26.108.306.174.814 đồng.

Vốn điều lệ của Công ty cổ phần dự kiến như sau:

- Vốn điều lệ: 20.809.000.000.000 đồng
- Mệnh giá một cổ phần: 10.000 đồng
- Số lượng cổ phần: 2.080.900.000 cổ phần

Tất cả cổ phần của Công ty cổ phần tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông. Các hoạt động mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty cổ phần và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

### 2.2. Cơ cấu vốn điều lệ

Tỷ lệ chào bán và cơ cấu sở hữu vốn điều lệ sau khi cổ phần hóa của EVNGENCO 3 cụ thể như sau:

**Bảng 17: Cơ cấu vốn điều lệ EVNGENCO 3 sau cổ phần hóa**

| TT | Nội dung | Số cổ phần (cổ phần) | Giá trị theo mệnh giá (đồng) | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|
| 1 | CP EVN nắm giữ tại CTCP | 1.061.300.000 | 10.613.000.000.000 | 51,00% |
| 2 | Cổ phần bán cho Người lao động | 3.424.100 | 34.241.000.000 | 0,1645% |
| 2.1 | Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động | 1.544.300 | 15.443.000.000 | 0,0742% |
| 2.2 | Cổ phần bán theo cam kết làm việc | 1.879.800 | 18.798.000.000 | 0,0903% |
| 3 | Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược | 749.124.000 | 7.491.240.000.000 | 36,00% |
| 4 | Cổ phần bán cho nhà đầu tư khác (IPO) | 267.051.900 | 2.670.519.000.000 | 12,8355% |
| | **Tổng cộng** | **2.080.900.000** | **20.809.000.000.000** | **100%** |

*Nguồn: Phương án cổ phần hóa EVNGENCO 3*

Tập đoàn Điện lực Việt Nam nắm giữ 51% vốn điều lệ của Tổng công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần đến hết năm 2019. Từ năm 2020, trong trường hợp Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần tái cấu trúc được các khoản nợ và đàm phán được với các tổ chức tín dụng cho vay, Tập đoàn Điện lực Việt Nam sẽ xem xét thoái vốn góp tại Tổng công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần xuống mức dưới mức chi phối.

## 3. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA

### 3.1. Phân tích thuận lợi, khó khăn và cơ hội, thách thức

#### *3.1.1. Thuận lợi của EVNGENCO 3*

- Các nhà máy của EVNGENCO 3 đều đã hoàn thành và đưa vào phát điện thương mại, tập trung chủ yếu miền Nam - khu vực có nhu cầu sử dụng điện cao và thiếu hụt nguồn điện phải truyền tải từ miền Bắc vào qua hệ thống điện 500kV. Việc sở hữu các nhà máy đã hoàn thành (chiếm 14,05% công suất lắp đặt toàn hệ thống) và phát điện ổn định khi đầu tư vào EVNGENCO 3 sẽ giúp các nhà đầu tư khỏi rủi ro trong quá trình xây dựng và chạy thử nghiệm. Đồng thời, có đầy đủ số liệu và cơ sở đánh giá được tính hiệu quả theo số liệu lịch sử.

- Cổ đông lớn của EVNGENCO 3 là EVN. Với kinh nghiệm đầu tư, quản lý, vận hành hệ thống điện toàn quốc và khả năng cân đối tài chính trong các đơn vị, trong giai đoạn đầu của Công ty cổ phần và đặc biệt là trong việc chuyển giao các giai đoạn của thị trường điện cạnh tranh, EVNGENCO 3 có thể nhận được sự hỗ trợ trong công tác quản lý, điều hành và tài chính từ cổ đông lớn.

- EVNGENCO 3 có đội ngũ CBNV có trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm trong việc quản lý, vận hành các nhà máy.

- EVNGENCO 3 có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem EVNGENCO 3 có chịu rủi ro tín dụng hay không. EVNGENCO 3 không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với khách hàng hoặc đối tác vì các khoản phải thu chủ yếu là từ các công ty trong cùng EVN.

#### *3.1.2. Khó khăn của EVNGENCO 3*

- **Các nhà máy của EVNGENCO 3 chủ yếu dùng nhiên liệu hóa thạch** (chiếm 89%) chủ yếu là nguồn khí đốt và than đá trong nước. Trong khi các nguồn nhiên liệu này chỉ đủ đáp ứng cho các nhà máy hiện tại và có xu hướng giảm dần, vì vậy phải hướng đến việc nhập khẩu nhiên liệu trong tương lai và phụ thuộc nhiều vào thị trường thế giới.

- **Tình hình tài chính của EVNGENCO 3 chưa đủ sức hấp dẫn. Hoạt động sản xuất kinh doanh chịu ảnh hưởng lớn bởi các yếu tố kinh tế vĩ mô hay thời tiết khách quan.** Một trong những ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của EVNGENCO 3 là biến động tỷ giá, lãi suất. Việc hệ số nợ cao (chủ yếu là các khoản vay nước ngoài) và nhận nợ, trả nợ bằng ngoại tệ (JPY, USD) tác động rất lớn đến kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Ngoài ra, các nhà máy thủy điện chịu tác động lớn bởi tình hình thời tiết, thủy văn, ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- **Triển vọng phát triển của EVNGENCO 3 phụ thuộc vào việc tái cơ cấu nợ sau cổ phần hóa và cơ hội đầu tư các dự án mới.** Các dự án đầu tư mới hiện đang trong quá trình nghiên cứu đầu tư. Công suất lắp đặt các nhà máy đang hoạt động đã được tối đa hóa, việc tối ưu hóa các chi phí đã được thực hiện trong các năm hoạt động gần đây và triển vọng phát triển của EVNGENCO 3 phụ thuộc khá lớn vào thị trường trong thời gian tới.

### *3.1.3. Cơ hội*

- Thị trường điện cạnh tranh đang hình thành tạo cơ hội lớn cho EVNGENCO 3 trong việc cạnh tranh phát điện. Với việc đưa thị trường bán buôn điện cạnh tranh vào vận hành trong những năm sắp tới, tiến tới vận hành thị trường bán lẻ cạnh tranh, EVNGENCO 3 đang đứng trước cơ hội và thách thức của việc thay đổi giá điện và tình hình kinh doanh trong giai đoạn 2019 trở đi.

- Các nhà máy mới nếu được đầu tư hiệu quả sẽ mang lại cơ hội tăng trưởng cho EVNGENCO 3. Hiện nay, EVNGENCO 3 đang thực hiện nghiên cứu đầu tư các dự án mới, dự kiến đầu tư trong giai đoạn 2018-2022. Nếu đầu tư hiệu quả các dự án này, EVNGENCO 3 sẽ có cơ hội tăng trưởng tốt sau giai đoạn 2025.

- Hiện tại EVNGENCO 3 đang phối hợp các bên liên quan để cập nhật giá điện của Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 theo tổng mức đầu tư được phê duyệt gần nhất, khi đó tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty sẽ có kết quả thuận lợi hơn.

### *3.1.4. Thách thức*

- **Các nhà máy sử dụng nguyên liệu hóa thạch bị tác động lớn bởi giá nguyên liệu đầu vào.** Mặc dù, về cơ bản giá nguyên liệu đầu vào được phản ánh vào giá bán điện của EVNGENCO 3, tuy nhiên, về mặt dài hạn, việc phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu cung cấp và với việc thị trường điện cạnh tranh đi vào vận hành. EVNGENCO 3 có thể đối diện với vấn đề nhiên liệu.

- EVNGENCO 3 phải cạnh tranh trực tiếp với các đơn vị phát điện trên thị trường. Việc thị trường điện cạnh tranh đi vào vận hành cùng với các đơn vị phát điện lớn trên thị trường như EVNGENCO 1, EVNGENCO 2, PVN, nhu cầu tiêu thụ điện lớn tập trung ở miền Nam, EVNGENCO 3 sẽ phải cạnh tranh về giá và yếu tố liên quan với các nhà đầu tư khác để phát điện.

- Sự phát triển và thay đổi về công nghệ năng lượng ngày càng nhanh dẫn đến việc xác định định hướng phát triển, kiểm soát các rủi ro đầu tư và xem xét cân đối nguồn lực, lập kế hoạch để đáp ứng là rất khó khăn và tiềm ẩn những khả năng biến động vượt tầm của Doanh nghiệp như Genco3 mà cần rất nhiều từ các chính sách của Nhà nước.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh chịu ảnh hưởng lớn bởi các yếu tố kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Chính Phủ cũng như chính sách phát triển Ngành Điện.

## 3.2. Chiến lược phát triển doanh nghiệp

Tầm nhìn: EVNGENCO 3 trở thành đơn vị có trình độ công nghệ, quản lý hiện đại và chuyên môn hóa cao, hoạt động hiệu quả, bền vững giữ vai trò trọng yếu đối với nền kinh tế đất nước và đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia, phấn đấu trở thành doanh nghiệp phát triển hàng đầu tại Việt Nam và khu vực Asean trong ứng dụng công nghệ năng lượng sạch, bảo đảm môi trường gắn liền với sự phát triển bền vững.

### *3.2.1. Phương hướng chung*

Cổ phần hóa, đổi mới EVNGENCO 3 về mô hình tăng trưởng, cơ cấu kinh doanh, cơ cấu tổ chức và cơ chế quản lý, đảm bảo sự ổn định trên cơ sở đổi mới có sự kế thừa những thành tựu đã đạt được nhằm gia tăng mọi năng lực sản xuất sẵn có trong EVNGENCO 3, khai thác các tiềm năng, thế mạnh của EVNGENCO 3, nhằm mục tiêu tăng trưởng nhanh, phát triển bền vững, đáp ứng nhu cầu về an ninh năng lượng của quốc gia.

### *3.2.2. Mục tiêu phát triển*

- Đảm bảo công tác sản xuất kinh doanh điện có lãi, đáp ứng mong muốn của các nhà đầu tư và xã hội; hoạt động hiệu quả và bền vững;
- Đảm bảo quản lý, vận hành các nhà máy điện an toàn, liên tục, ổn định phục vụ cho các hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia;
- Tham gia thị trường điện cạnh tranh có hiệu quả theo lộ trình của Chính phủ;

- Tiếp tục thực hiện triển khai các dự án đầu tư nguồn điện đảm bảo chất lượng và tiến độ thi công;
- Đầu tư phát triển các dự án nguồn mới sử dụng công nghệ sạch, đảm bảo môi trường gắn liền với phát triển bền vững;
- Các chỉ tiêu tài chính được đảm bảo để có thể huy động nguồn vốn cho đầu tư dự án mới;
- Phát triển công tác cung ứng dịch vụ vận hành, sửa chữa thuê chuyên nghiệp cho các nhà máy điện; phát triển thiết kế, chế tạo gia công phục hồi và các mảng dịch vụ kỹ thuật, công nghệ cao, xử lý môi trường cho các nhà máy điện;
- Là trung tâm thu hút nguồn nhân lực sửa chữa chất lượng cao; nghiên cứu, phát triển và hợp tác quốc tế về công nghệ sửa chữa NMNĐ.
- Ổn định hoạt động và quản trị EVNGENCO 3 theo mô hình tổ chức mới từng bước nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động ngang tầm với 1 số nước tiên tiến trong khu vực và thế giới;
- Phát huy tối đa mọi nguồn lực, trong đó lấy phát triển nguồn nhân lực làm trọng tâm. Xây dựng bộ máy, đội ngũ CBCNV tinh nhuệ và chuyên môn cao để đảm đương thực hiện nhiệm vụ của một EVNGENCO 3 chuyên nghiệp và quy mô lớn.
- Tạo dựng thành công hình ảnh một doanh nghiệp có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội. Phấn đấu trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu khu vực ASEAN trong lĩnh vực sản xuất điện và dịch vụ các nhà máy điện.

### *3.2.3. Nhiệm vụ cụ thể*

a. Các nhà máy đang hoạt động: Đảm bảo vận hành ổn định, an toàn và kinh tế.

b. Các dự án đang thực hiện: Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ quản lý dự án đối với các dự án NMNĐ Vĩnh Tân 4, Thái Bình, Vĩnh Tân 4 Mở rộng theo đúng tiến độ Hợp đồng và kế hoạch EVN giao.

c. Các dự án nghiên cứu đầu tư:

- Nghiên cứu thực hiện đầu tư xây dựng Trung tâm Điện lực Khí Long Sơn và NMĐ Bà Rịa II.
- Nghiên cứu đầu tư các dự án sử dụng năng lượng tái tạo (năng lượng mặt trời, năng lượng gió…)

- Triển khai thực hiện đầu tư xây dựng NMĐ Bà Rịa II.

d. Chi phí sản xuất kinh doanh: Thực hiện các giải pháp nhằm tiết kiệm, tối ưu hóa, giảm chi phí để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động.

e. Công tác thị trường điện: Thực hiện chào giá trong thị trường điện có hiệu quả, đảm bảo sản xuất kinh doanh có lợi nhuận.

f. Công tác tài chính: Đảm bảo an toàn về tài chính, các chỉ tiêu tài chính tốt, lành mạnh, doanh nghiệp tăng trưởng.

g. Quản trị công ty và đào tạo nguồn nhân lực:

- Đẩy mạnh việc ứng dựng khoa học kỹ thuật và công nghệ thông tin vào công tác quản lý; ứng dụng phương pháp quản trị tiên tiến cho công ty cổ phần. Hiện đại hóa công tác quản lý trong EVNGENCO 3 (áp dụng CNTT trong quản lý và điều hành), sẵn sàng cho việc quản trị điều hành EVNGENCO 3 trên nền tảng CNTT, phù hợp với mô hình Chính phủ điện tử.

- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển và hiện đại hóa của EVNGENCO 3, trong đó chú trọng đến việc đào tạo lực lượng lao động có chuyên môn kỹ thuật chuyên sâu làm nòng cốt, chuyên gia trong từng lĩnh vực.

h. Đối với người lao động: Đảm bảo đời sống tinh thần và vật chất cho CBCNV, ổn định việc làm và cải thiện đời sống người lao động trên cơ sở tăng năng suất lao động và hiệu quả.

i. Công tác dịch vụ các nhà máy điện: Đảm bảo công tác sửa chữa cho các NMĐ, nhằm mục tiêu tối ưu hóa chi phí sửa chữa, tăng cường năng lực cạnh tranh trên thị trường điện; Phát triển dịch vụ sửa chữa vận hành thuê NMĐ, thiết kế, chế tạo, gia công phục hồi, đào tạo chuyên gia...

## 3.3. Định hướng phát triển giai đoạn 2018-2027

### *3.3.1. Về sản xuất kinh doanh nguồn điện hiện có*

- Đảm bảo phát đủ sản lượng điện kế hoạch và có dự phòng nhất định.

- Tối ưu hóa chi phí sản xuất điện. Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động.

- Tham gia thị trường điện cạnh tranh có hiệu quả theo lộ trình của Chính phủ.

- Triển khai thực hiện mô hình sửa chữa tập trung.

### *3.3.2. Về đầu tư xây dựng:*

**a. Định hướng:**

+ Tiếp tục thực hiện triển khai các dự án đầu tư nguồn điện đảm bảo chất lượng và tiến độ thi công theo quy hoạch điện và sự phân công của Chính phủ.

+ Đầu tư phát triển các dự án nguồn mới sử dụng công nghệ sạch, đảm bảo môi trường **gắn liền với phát triển bền vững**

**b. Về tổ chức:** chuẩn bị lực lượng, điều kiện, sắp xếp và thành lập Ban QLDA chuyên nghiệp để thực hiện đầu tư xây dựng các dự án do EVNGENCO3 làm chủ đầu tư và làm tư vấn quản lý dự án cho các chủ đầu tư khác.

**c. Tiếp tục thực hiện tư vấn quản lý dự án đối với các dự án sau:**

| STT | Dự án | Công suất (MW) | TMĐT (tỷ VND) | Phát điện |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Dự án NMNĐ Vĩnh Tân 4 | 2x600 | 40.598 | Tổ máy S2: 12/2017<br>Tổ máy S1: 06/2018 |
| 2 | Dự án NMNĐ Vĩnh Tân 4 Mở rộng | 1x600 | 23.927 | 12/2019 |
| 3 | Dự án NMNĐ Thái Bình 1 | 2x300 | 26.595 | Tổ máy S1: 01/2018<br>Tổ máy S2: 04/2018 |

***d. Nghiên cứu và triển khai các thủ tục đầu tư các dự án nguồn mới:***

+ Triển khai các thủ tục đầu tư xây dựng dự án nhà máy điện mặt trời tại tỉnh Bình Thuận, Ninh Thuận, Đắk Lắk.

+ Triển khai thực hiện đầu tư xây dựng Trung tâm Điện lực Khí Long Sơn (sử dụng khí hóa lỏng LNG)

+ Triển khai thực hiện đầu tư xây dựng NMĐ Bà Rịa II.

Tổng công ty xem xét triển khai đầu tư một số dự án mới giai đoạn 2018-2027 như sau:

**Bảng 18: Kế hoạch đầu tư các dự án điện ưu tiên triển khai**

| STT | Dự án - Tình trạng | Công suất (MW) | TMĐT (tỷ VND) | Thực hiện |
|---|---|---|---|---|

| STT | Dự án - Tình trạng | Công suất (MW) | TMĐT (tỷ VND) | Thực hiện |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Dự án: Điện mặt trời Vĩnh Tân - Bình Thuận<br><br>Tình trạng: đã được UBND tỉnh Bình Thuận trình Bộ Công Thương xem xét bổ sung vào Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bình Thuận. Bộ Công Thương đã lấy ý kiến các bên và đang xem xét ở giai đoạn cuối | 35 | 1.082 | 2018÷2020 |
| 2 | Dự án: Điện mặt trời trên hồ thủy điện Srêpốk 3<br><br>Tình trạng: đã được UBND tỉnh Đắk Lắk trình Bộ Công Thương xem xét bổ sung vào Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Đắk Lắk. Bộ Công Thương đã lấy ý kiến các bên và đang xem xét. | 50 | 1.840 | 2018÷2020 |
| 3 | Điện Mặt trời Ninh Phước 7 - Ninh Thuận<br><br>(Phân kỳ 1 đầu tư trước 50MW trong tổng công suất của nhà máy là 200MW)<br>Tình trạng: Thường trực tỉnh ủy đã thông qua chủ trương nghiên cứu địa điểm, đang thực hiện hồ sơ bổ sung Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia | 50 | 1.397 | 2018÷2020 |
| 4 | Dự án nhà máy điện LNG Long Sơn 1<br><br>Tình trạng: Thường trực UBND tỉnh đã thông qua chủ trương nghiên cứu địa điểm, đã xác định ranh giới, đã khảo sát địa điểm và đang thực hiện hồ sơ bổ sung Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia | 1.200 | 24.293 | 2020÷2025 |
| **Tổng cộng** | | **1.335** | **28.612** | |

*Nguồn: Phương án cổ phần hóa EVNGENCO 3*

Ngoài ra, tùy vào điều kiện cụ thể, EVNGENCO 3 có thể xem xét đầu tư thêm các dự án điện mặt trời khác như: Điện mặt trời trên hồ thủy điện Buôn Kuốp, Buôn Tua Srah, các dự án khác tại tỉnh Ninh Thuận và tỉnh Bình Thuận; NMĐ 1.000MW tại Trung tâm Điện lực Tân Phước...

### *3.3.3. Về công tác tài chính*

Sản xuất kinh doanh có lãi, đảm bảo cổ tức bình quân theo 10 năm cho các cổ đông.

Các chỉ tiêu tài chính tốt, lành mạnh.

Thu xếp được nguồn vốn vay trong nước và nước ngoài cho các dự án đầu tư mới.

### *3.3.4. Về phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực*

Xây dựng đội ngũ lãnh đạo, cán bộ, công nhân viên của EVNGENCO 3 thành một tập thể lao động chuyên nghiệp, năng động, có tác phong công nghiệp, kỷ luật, kỷ cương, có đủ phẩm chất đạo đức, tư tưởng chính trị, năng lực chuyên môn vững vàng đáp ứng tốt yêu cầu ngày càng phát triển của EVNGENCO 3, đặc biệt là nguồn lực kỹ thuật có chuyên môn cao/chuyên gia trong lĩnh vực vận hành-sữa chữa, bắt kịp xu thế phát triển của nền công nghiệp hiện đại, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Phấn đấu trở thành là đơn vị có nguồn nhân lực tốt, năng suất lao động tương đương các nước trong khu vực, đẩy mạnh tiếp cận với trình độ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật với các nước tiên tiến trên thế giới.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực góp phần nâng cao năng suất lao động để nguồn nhân lực thực sự là giải pháp đột phá đưa EVNGENCO 3 phát triển nhanh, mạnh và bền vững.

Tạo cơ hội học tập, phát triển công bằng, rộng rãi cho người lao động.

Tập trung triển khai có hiệu quả Đề án sắp xếp, bố trí lao động trong EVNGENCO 3 giai đoạn 2016 – 2020 theo định hướng NSLĐ đạt và vượt chỉ tiêu được giao, NSLĐ năm sau cao hơn năm trước.

### *3.3.5. Về thị trường điện*

Thực hiện chào giá tập trung.

Tham gia Thị trường điện bán buôn điện cạnh tranh theo lộ trình.

Góp phần tích cực trong việc xây dựng thành công thị trường điện theo các cấp độ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

### *3.3.6. Về công tác sửa chữa, vận hành các nhà máy*

Đẩy mạnh và phát triển mô hình sửa chữa và vận hành thuê với định hướng phát triển như sau:

Đáp ứng nhu cầu sửa chữa chuyên nghiệp cho các NMĐ trong EVNGENCO 3 và cho EVN khi được giao nhiệm vụ; Cung cấp dịch vụ sửa chữa chất lượng cao và vận hành thuê các nhà máy điện.

Là trung tâm đào tạo, thu hút chuyên gia và nguồn nhân lực sửa chữa chất lượng cao; trung tâm nghiên cứu, phát triển và hợp tác quốc tế về công nghệ sửa chữa NMĐ.

Phát triển công tác tư vấn, thiết kế, lắp đặt thiết bị cho các nhà máy điện.

Xây dựng thương hiệu, phát triển thị trường sửa chữa, nhiệt điện, thủy điện ra ngoài lãnh thổ Việt Nam.

### 3.4. Kế hoạch thoái vốn của EVNGENCO 3

Căn cứ Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg và Đề án tái cơ cấu của EVNGENCO 3 đã được EVN phê duyệt tại Quyết định số 138/QĐ-EVN ngày 31/7/2017, theo đó Tỷ lệ góp vốn tại các đơn vị sau CPH như sau

**Bảng 19: Công ty con, công ty liên kết**

| STT | Tên công ty | Vốn điều lệ (tr.đ) | Tỷ lệ nắm giữ (%) | Số lượng cổ phần nắm giữ | Giá trị vốn góp (tr.đ) |
|---|---|---|---|---|---|
| **Công ty con** | | | | | |
| 1 | Cty CP Nhiệt điện Bà Rịa | 604.856 | 79,56 | 48.123.557 | 481.236 |
| 2 | Cty CP Nhiệt điện Ninh Bình | 128.655 | 54,76 | 7.045.440 | 70.454 |
| **Công ty liên kết** | | | | | |
| 1 | Cty CP Thủy điện Thác Bà | 635.000 | 30,00 | 19.050.000 | 190.500 |
| 2 | Cty CP Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh | 2.062.412 | 30,55 | 63.016.948 | 517.058 |
| 3 | Công ty CP đầu tư và phát triển điện Sê San 3A | 280.000 | 30,00 | 8.400.000 | 84.000 |
| 4 | Công ty cổ phần điện lực Dầu khí - Nhơn Trạch 2 | 2.878.760 | 2,50 | 7.121.920 | 64.000 |
| 5 | Công ty cổ phần điện Việt Lào | 3.250.000 | 0,60 | 1.960.000 | 19.600 |
| 6 | Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE PMTP | 496.424 | 15,00 | - | 74.464 |

Xây dựng phương án thoái vốn cổ phần tại các đơn vị có mức nhỏ hơn 10% vốn điều lệ sau khi hoàn thành CPH EVNGENCO 3 để tập trung vốn đầu tư nguồn điện mới theo Đề án tái cơ cấu EVNGENCO 3, cụ thể là Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí - Nhơn Trạch 2 (7.121.920 cổ phần) và Công ty cổ phần điện Việt Lào (1.960.000 cổ phần).

*Nguồn: Phương án cổ phần hóa EVNGENCO 3*

### 3.5. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, mục tiêu và giải pháp thực hiện

#### *3.5.1. Mục tiêu sản xuất kinh doanh*

Các mục tiêu phấn đấu của Công ty mẹ - Công ty cổ phần giai đoạn 2018-2020 như sau:

**Bảng 20: Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và năng suất lao động của Công ty mẹ giai đoạn 2018-2020**

| Stt | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | 2018 | 2019 | 2020 |
|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **Chỉ tiêu nâng cao vận hành ổn định** | | | | |
| 1 | Hệ số khả dụng | | | | |
| 1.1 | Nhiệt điện khí | % | 91,65 | 91,70 | 91,75 |
| 1.2 | Nhiệt điện than | % | 89,28 | 86,94 | 89,92 |
| 1.3 | Thủy điện | % | 95,53 | 95,54 | 95,55 |
| 2 | Tỷ lệ dừng máy do sự cố | | | | |
| 2.1 | Nhiệt điện khí | % | 1,35 | 1,30 | 1,25 |
| 2.2 | Nhiệt điện than | % | 2,45 | 2,40 | 2,35 |
| 2.3 | Thủy điện | % | 0,47 | 0,46 | 0,45 |
| 3 | Tỷ lệ dừng máy bảo dưỡng | | | | |
| 3.1 | Nhiệt điện khí | % | 7,00 | 7,00 | 7,00 |
| 3.2 | Nhiệt điện than | % | 8,32 | 10,76 | 7,93 |
| 3.3 | Thủy điện | % | 4,00 | 4,00 | 4,00 |
| **II** | **Chỉ tiêu nâng cao hiệu quả sản xuất** | | | | |
| 1 | Tỷ lệ điện tự dùng | | | | |
| 1.1 | Nhiệt điện khí | % | 1,99 | 1,93 | 1,87 |
| 1.2 | Nhiệt điện than | % | 8,14 | 8,14 | 8,14 |
| 1.3 | Thủy điện | % | 0,99 | 0,98 | 0,97 |
| 2 | Suất tiêu hao | | | | |
| 2.1 | Nhiệt điện khí | BTU/kWh | 7.613 | 7.566 | 7.517 |
| 2.2 | Nhiệt điện than | kJ/kWh | 10.873 | 10.875 | 10.850 |
| 3 | Chi phí O&M/MW | Triệu VND | 818 | 928 | 961 |
| **III** | **Chỉ tiêu nâng cao năng suất lao động** | | | | |
| 1 | Điện thương phẩm/lao động | Triệu kWh/người | 17,50 | 17,26 | 17,88 |

*Nguồn: Quyết định số 138/QĐ-EVN ngày 31/7/2017 phê duyệt Đề án sắp xếp, tái cơ cấu Tổng Công ty Phát điện 3 giai đoạn 2017-2020*

**Bảng 21: Dự kiến kế hoạch SXKD của EVNGENCO 3 – Công ty mẹ giai đoạn 2018-2020**

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | 2018 | 2019 | 2020 |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Vốn góp của chủ sở hữu | Tỷ đồng | 20.809.000 | 20.809.000 | 20.809.000 |
| 2 | Tổng số lao động | Người | 1.907 | 1.907 | 1.907 |
| 3 | Tổng quỹ lương | Tỷ đồng/năm | 562,693 | 619,774 | 683,061 |

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | 2018 | 2019 | 2020 |
|---|---|---|---|---|---|
| 4 | TNBQ của người lao động | Triệu đồng/ tháng | 24,589 | 27,083 | 29,818 |
| 5 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 38.033.087 | 37.877.538 | 38.075.500 |
| 6 | Tổng chi phí | Tỷ đồng | 37.035.361 | 36.450.043 | 36.571.296 |
| 7 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 828.729 | 1.172.544 | 1.233.911 |
| 8 | Tỷ lệ trả cổ tức *(*)* | %/năm | 3,6 | 5,3 | 5,5 |
| 9 | Tỷ lệ nợ trên vốn CSH | Lần | <3 | <3 | <3 |

*Nguồn: EVNGENCO 3*

*Do vốn góp của chủ sở hữu tăng lên sau cổ phần hóa và việc thực hiện trả nợ trước hạn một phần khoản vay nước ngoài vay lại EVN từ nguồn tiền thu từ cổ phần hóa nên hệ số nợ/vốn chủ sở hữu của EVNGENCO 3 sẽ được cải thiện, đáp ứng theo quy định (< 3 lần).*

*(*) Về giá điện NMNĐ Vĩnh Tân 2:*

- *Hiện đang áp dụng theo Thông tư 41/2010/TT-BCT sử dụng TMĐT được phê duyệt ban đầu để tính giá điện của nhà máy. Hiện nay, TMĐT của dự án NMNĐ Vĩnh Tân 2 và hạ tầng dùng chung TTĐL Vĩnh Tân đã được cấp thẩm quyền phê duyệt hiệu chỉnh, đảm bảo đầy đủ các chi phí cần thiết để đầu tư của dự án.*

- *Việc cập nhật giá điện NMNĐ Vĩnh Tân 2 theo TMĐT hiệu chỉnh: Hiện tại Tổng Công ty đã làm việc với các bên liên quan, thống nhất cập nhật giá trị TMĐT được phê duyệt gần nhất vào giá điện để trình các cấp có thẩm quyền thẩm định phê duyệt và dự kiến sẽ hoàn tất việc cập nhật giá điện trong Quý I/2018.*

  *Sau khi cập nhật giá điện NMNĐ Vĩnh Tân 2 theo tính toán nêu trên, kết quả sản xuất kinh doanh của EVNGENCO 3 sẽ thuận lợi hơn.*

### *3.5.2. Giải pháp cụ thể*

Để thực hiện mục tiêu kế hoạch đề ra, Tổng công ty đưa ra các nhóm giải pháp như sau:

**a) Giải pháp trong sản xuất và cung ứng điện**

- Vận hành các nhà máy an toàn và ổn định, đảm bảo tiến độ sửa chữa lớn các nhà máy điện, lưới điện theo kế hoạch;
- Đảm bảo phát điện ổn định NMNĐ Mông Dương 1, Vĩnh Tân 2 góp phần cung cấp điện cho khu vực miền Nam.
- Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, an toàn lao động, giảm sự cố, từng bước cải tạo, sửa chữa, thay thế thiết bị nhằm nâng cao chất lượng các hệ thống thiết bị của NMNĐ Vĩnh Tân 2, đảm bảo vận hành tin cậy, ổn định.

- Có chiến lược chào giá trên thị trường phát điện cạnh tranh phù hợp để đạt doanh thu cao nhất.

**b) Giải pháp cho công tác đầu tư xây dựng**

- Tiếp tục nâng cao năng lực của các Ban QLDA; thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm theo quy định hiện hành ; Điều hành quản lý, giám sát chặt chẽ việc thực hiện của các nhà thầu; kịp thời nghiên cứu đề xuất với các cấp có thẩm quyền giải quyết, tháo gỡ khó khăn vướng mắc để đảm bảo chất lượng và tiến độ theo tình hình thực tế của từng dự án.
- Giải quyết kịp thời các phát sinh, vướng mắc trong quá trình xây dựng tại công trường nhằm đảm bảo tiến độ, chất lượng công trình;
- Giải ngân, thanh toán kịp thời các khối lượng nghiệm thu đạt yêu cầu.
- Nghiên cứu sâu về thị trường nhiên liệu than, khí hóa lỏng trên thế giới để đảm bảo nguồn nhiên liệu hiệu quả cho các dự án đang hoạt động và những dự án nguồn mới.
- Đẩy mạnh nghiên cứu và triển khai các dự án sử dụng năng lượng tái tạo (năng lượng mặt trời, năng lượng gió, thủy điện vừa và nhỏ).
- Tìm kiếm cơ hội, lựa chọn địa điểm để triển khai đầu tư dự án nguồn điện mới khi khả năng tài chính được đảm bảo.

**c) Các giải pháp nâng cao hiệu quả SXKD và nâng cao NSLĐ**

- Thực hiện nâng công suất, phục hồi công suất các tổ máy tuabin khí để tăng hiệu suất, tiết kiệm nhiên liệu và tỷ lệ điện tự dùng.
- Thực hiện các đề án giảm suất tiêu hao than cho các nhà máy nhiệt điện than.
- Thực hiện phục hồi, cải tiến và nâng cấp các thiết bị, hệ thống của các nhà máy điện để nâng cao độ an toàn, ổn định và tin cậy, đặc biệt là NMNĐ Vĩnh Tân 2.
- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành và sản xuất.
- Hoàn thành các đề án cải tạo môi trường, đảm bảo cho các nhà máy vận hành đáp ứng tốt các tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường.
- Bố trí kế hoạch sửa chữa lớn các nhà máy điện phù hợp đảm bảo khả năng phát cao nhất trong các tháng cao điểm mùa khô; khai thác hợp lý các hồ chứa để tận dụng tối đa nguồn nước cho sản xuất điện, tránh xả tràn.
- Thực hiện tối ưu hóa chi phí trong sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng.
- Thực hiện trả nợ trước hạn một phần khoản vay nước ngoài vay lại EVN từ nguồn tiền thu từ cổ phần hóa để cải thiện hệ số tài chính. Tăng cường công tác quản trị dòng tiền trong toàn Tổng Công ty và hướng dòng tiền của các đơn vị thành viên vào việc hỗ trợ phát triển nguồn điện hiệu quả.
- Thực hiện thanh xử lý vật tư thiết bị tồn đọng, kém phẩm chất; thực hiện các giải pháp đồng bộ để giảm giá trị tồn kho nhằm tăng hiệu quả sử dụng nguồn vốn.

- Áp dụng hệ thống đánh giá hiệu quả công việc (KPIs) trong hoạt động; tuyển dụng nhân lực chất lượng cao, thuê chuyên gia trong từng lĩnh vực; cơ chế chi trả tiền lương, tiền thưởng theo hiệu quả đóng góp của NLĐ ngang tầm với qui mô, vị thế của TCT trong phát triển KTXH, đặc biệt cho nhóm lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao; tạo động lực, môi trường làm việc chuyên nghiệp, kỷ luật và đoàn kết, dân chủ.
- Hợp tác, liên kết với các đối tác trong và ngoài nước có uy tín có chuyên nghành đặc thù kỹ thuật chuyên sâu. Đào tạo chuyên gia đầu ngành chất lượng cao để tổ chức quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty đạt hiệu quả cao, nắm bắt, làm chủ được công nghệ tiên tiến, xây dựng đội ngũ chuyên gia cốt lõi trong EVNGENCO 3. Các chính sách phát triển nghề nghiệp cho NLĐ.

**d) Giải pháp phát triển công tác dịch vụ:**

- Tăng cường công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực kiểm tra đánh giá, vận hành - sửa chữa bảo dưỡng, gia công phục hồi;
- Hợp tác, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ: Thiết kế, chế tạo, gia công phục hồi, cân bằng động, thí nghiệm, hiệu chỉnh, sửa chữa hướng tới độ tin cậy (Reliability Centered Maintenance - RCM).
- Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị tiên tiến phục vụ công tác dịch vụ sửa chữa; Thành lập các trung tâm chuyên sâu như: Đào tạo và nghiên cứu ứng dụng; Thiết kế, chế tạo, gia công phục hồi; Cân bằng động; Thí nghiệm điện.
- Phát triển thị trường, hướng đến việc cung cấp dịch vụ sửa chữa, vận hành dài hạn cho các khách hàng là những nhà máy nhiệt than, nhiệt điện khí, thủy điện trong và ngoài EVN./.

## PHẦN 5: THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

### 1. CÁC RỦI RO DỰ KIẾN

Nhà đầu tư tiềm năng nên xem xét kỹ lưỡng các vấn đề cần quan tâm nêu dưới đây ngoài những thông tin khác được cung cấp trong Bản công bố thông tin này trước khi quyết định mua cổ phần.

Việc một hoặc nhiều rủi ro nêu dưới đây xảy ra có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến tình hình kinh doanh, tài chính hoặc kết quả hoạt động của EVNGENCO 3 và có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu. Những vấn đề cần quan tâm và những khả năng không chắc chắn khác mà EVNGENCO 3 hiện không biết đến hoặc cho là không quan trọng cũng có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến việc đầu tư vào cổ phiếu EVNGENCO 3.

#### 1.1. Rủi ro về kinh tế

Hoạt động sản xuất kinh doanh chịu ảnh hưởng lớn bởi các yếu tố kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Chính phủ cũng như chính sách phát triển Ngành Điện.

EVNGENCO 3 phải cạnh tranh trực tiếp với các đơn vị phát điện trên thị trường. Việc thị trường điện cạnh tranh đi vào vận hành cùng với các đơn vị phát điện lớn trên thị trường như EVNGENCO 1, 2, PVPOWER…, EVNGENCO 3 sẽ phải cạnh tranh về giá và yếu tố liên quan với các nhà đầu tư khác để phát điện.

#### 1.2. Rủi ro đặc thù

Các nhà máy sử dụng nguyên liệu hóa thạch bị tác động lớn bởi giá nguyên liệu đầu vào. Theo thống kê, giá nhiên liệu, bao gồm giá xăng dầu, khí đốt và than chiếm trên 60% chi phí sản xuất điện và là yếu tố chính chi phối giá điện.

##### *1.2.1. Về nhiên liệu than*

Căn cứ quy hoạch điện VII, nhu cầu than cho ngành điện đến năm 2020 được ước tính khoảng 67,3 triệu tấn cho 36.000 MW nhiệt điện than. Trong khi đó theo quy hoạch của ngành than thì lượng than thương phẩm sản xuất của toàn ngành năm 2020 chỉ đạt 60 - 65 triệu tấn. Do đó có thể thấy nguồn than trong nước sẽ không thể đáp ứng đủ cho ngành điện và buộc phải nhập khẩu. Việc nhập khẩu than khiến doanh nghiệp chịu rủi ro từ việc tăng giá nhập khẩu.

##### *1.2.2. Về nhiên liệu khí*

Hiện nay, trên 80% sản lượng khí được cung cấp cho các NMNĐ. Theo kế hoạch của PV GAS, mục tiêu của đơn vị này trong giai đoạn 2016 - 2035 sẽ đạt 297,6 tỷ $m^3$ khí. Mục tiêu từ

năm 2017 sẽ gia tăng sản lượng thêm khoảng 0,2 - 1,5 tỷ $m^3$/năm theo kết quả tìm kiếm thăm dò các nguồn khí. Dự báo PVN sẽ phải nhập khẩu khí trong thời gian tới để đảm bảo nhu cầu khí trong nước.

Các nhà máy điện Phú Mỹ được bao tiêu khí đến năm 2023, sau thời điểm trên, EVNGENCO 3 có thể có rủi ro về giá khí và nguồn cung cấp. Nhưng đây cũng là cơ hội nếu EVNGENCO3 tìm được nguồn nhập LNG có giá cạnh tranh hơn.

### 1.3. Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Chính sách hiện nay đang quy định chênh lệch tỷ giá đối với các nhà máy điện chưa được tính vào trong giá điện, vấn đề này đang được Bộ Công thương xem xét. EVNGENCO 3 hiện có dư nợ vay tương đối cao, chủ yếu là các khoản nợ từ các ngân hàng nước ngoài và ngân hàng trong nước, và nhận nợ, trả nợ bằng ngoại tệ (Đô la Mỹ, Yên Nhật). Do vậy, trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam so với các đồng tiền trên thay đổi sẽ làm ảnh hưởng tới lợi nhuận của Tổng công ty tương ứng.

### 1.4. Rủi ro pháp lý

Hoạt động sản xuất kinh doanh của EVNGENCO 3 và các đơn vị thành viên của EVNGENCO 3 chịu sự điều chỉnh bởi hệ thống pháp luật và chính sách của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bao gồm Luật doanh nghiệp, Luật đấu thầu, Luật điện lực, các chính sách thuế… Nếu sau đợt chào bán, EVNGENCO 3 trở thành công ty cổ phần đại chúng, EVNGENCO 3 còn chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Do hệ thống pháp luật Việt Nam đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về chính sách luôn có thể xảy ra và có thể tạo điều kiện thuận lợi hoặc có ảnh hưởng không tốt cho hoạt động kinh doanh của EVNGENCO 3.

### 1.5. Rủi ro của đợt phát hành

Do đợt phát hành lần đầu ra công chúng của EVNGENCO 3 không được bảo lãnh phát hành, tổng số cổ phần được đăng ký mua có thể thấp hơn số cổ phần phát hành. Để xử lý các cổ phần không được bán hết, EVNGENCO 3 có thể xin ý kiến chỉ đạo của Ban chỉ đạo cổ phần hóa để bán số cổ phần này cho các nhà đầu tư chiến lược theo như Phương án Cổ phần hóa. Nếu các cổ phần này vẫn không được bán hết thì sẽ tiếp tục được xử lý theo quy định tại Điều 40 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và các văn bản liên quan.

Rủi ro của đợt chào bán, nếu xảy ra, sẽ làm thay đổi cơ cấu vốn điều lệ thực tế của EVNGENCO 3 so với cơ cấu dự kiến, đồng thời, làm giảm thặng dư vốn cổ phần, qua đó phần

nào ảnh hưởng tới việc thực hiện các kế hoạch kinh doanh của EVNGENCO 3 sau khi cổ phần hóa.

### 1.6. Rủi ro khác

Các rủi ro khác bao gồm thảm họa tự nhiên, động đất, bão lụt, cháy, chiến tranh... sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng tới hoạt động sản xuất và kinh doanh của các doanh nghiệp. Các rủi ro trên hiếm khi xảy ra nhưng nếu xuất hiện sẽ gây ra các hậu quả nghiêm trọng cho hoạt động kinh doanh của EVNGENCO 3.

***Nhà đầu tư nên xem xét cẩn trọng các yếu tố rủi ro nêu trên, cùng với các thông tin trong Bản công bố thông tin này. Hoạt động của Tổ chức chào bán có thể bị ảnh hưởng bởi bất kỳ rủi ro nào đã hoặc chưa được liệt kê nêu trên. Danh mục các yếu tố rủi ro nêu trên không phải bảng liệt kê hay giải thích đầy đủ về tất cả các rủi ro liên quan tới việc đầu tư vào cổ phiếu. Nhà đầu tư nên nghiên cứu và cân nhắc cẩn trọng các thông tin, bao gồm cả các thông tin từ những nguồn đáng tin cậy khác, đồng thời tham vấn ý kiến của các tư vấn chuyên môn, trước khi ra quyết định đăng ký tham gia đấu giá.***

## 2. PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN

Đợt chào bán cổ phần phục vụ cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Phát điện 3 bao gồm: (i) Chào bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO) (ii) Chào bán cho người lao động và (iii) Chào bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược.

### 2.1. Bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng

#### *2.1.1. Đối tượng chào bán*

Đối tượng IPO trong nước sẽ là các nhà đầu tư trong và ngoài nước bao gồm các tổ chức, cá nhân (kể cả người lao động trong doanh nghiệp cổ phần hóa) theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại Điều 4 Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011, những đối tượng không được tham gia đấu giá mua cổ phần lần đầu bao gồm:

+ Thành viên Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp, trừ các thành viên là đại diện doanh nghiệp cổ phần hóa;
+ Các tổ chức tài chính trung gian và các cá nhân thuộc tổ chức này tham gia vào việc thực hiện tư vấn, xác định giá trị doanh nghiệp, kiểm toán báo cáo tài chính và cơ quan kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp; trừ các tổ chức bảo lãnh phát hành mua số cổ phần chưa phân phối hết theo hợp đồng bảo lãnh nếu có;
+ Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần và các cá nhân thuộc tổ chức này có liên quan đến cuộc đấu giá;
+ Các công ty con, công ty liên kết trong cùng Tổng công ty và Tổ hợp công ty mẹ - công ty con.

#### *2.1.2. Phương thức chào bán và thanh toán tiền mua cổ phần đối với nhà đầu tư tham dự đấu giá*

Cổ phần phát hành lần đầu ra công chúng trong nước thông qua phương thức bán đấu giá công khai, dự kiến được tổ chức tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với các nội dung sau:

| | | |
|---|---|---|
| Cổ phần phát hành | : | Cổ phần của Tổng công ty Phát điện 3 - Công ty CP, được thành lập từ quá trình cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Phát điện 3 |
| Loại cổ phần | : | Cổ phần phổ thông |

| | | |
|---|---|---|
| Mệnh giá | : | 10.000 đồng/cổ phần |
| Giá khởi điểm | : | 24.600 đồng/cổ phần |
| Tổng số cổ phần chào bán | : | 267.051.900 cổ phần (12,8355% vốn điều lệ) |
| Đối tượng chào bán | : | Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đáp ứng điều kiện theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Tổng công ty Phát điện 3 được tham gia đăng ký và đấu giá cổ phần của Tổng công ty Phát điện 3 - Công ty CP |
| Phương thức đấu giá | : | Cổ phần được chào bán theo hình thức đấu giá tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 895/QĐ-UBCK ngày 29/10/2012 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc ban hành Quy chế mẫu về bán đấu giá cổ phần tại Sở giao dịch Chứng khoán |
| Thời gian và địa điểm đăng ký | : | Theo quy định trong Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty mẹ - Tổng công ty Phát điện 3 do Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ban hành |
| Tổ chức thực hiện bán đấu giá | : | Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh |
| Phương thức và thời hạn thanh toán | : | Theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty mẹ - Tổng công ty Phát điện 3 |

Chi tiết các nội dung có liên quan đến việc thực hiện đấu giá cổ phần sẽ được thể hiện tại "Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty mẹ - Tổng công ty Phát điện 3" do Tổ chức thực hiện bán đấu giá (Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) ban hành và công bố.

### 2.2. Chào bán cổ phần cho người lao động

Tổng số lượng cổ phần EVNGENCO 3 chào bán cho người lao động theo chính sách ưu đãi trong doanh nghiệp cổ phần hóa là 3.424.100 cổ phần, tương ứng 0,1645% vốn điều lệ, cụ thể như sau:

### *2.2.1. Chào bán cho người lao động theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước*

#### *a) Tiêu chí và giá bán*

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là *"Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước với giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)".*

#### *b) Số lượng được mua ưu đãi*

Tổng số CBCNVC - LĐ của EVNGENCO 3 tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp là: 2.478 người, trong đó:

- Số CBCNVC - LĐ không đủ điều kiện mua cổ phần ưu đãi do không đủ 01 năm làm việc trong khu vực Nhà nước là: 207 người.
- Số CBCNVC - LĐ của EVNGENCO 3 đủ điều kiện mua cổ phần ưu đãi theo tiêu chuẩn làm việc trong khu vực Nhà nước là: 2.271 người với tổng số năm công tác được mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước là: 15.443 năm, ứng với: 1.544.300 cổ phần, chiếm 0,0742% vốn điều lệ, bao gồm:
    - Số CBCNVC- LĐ của EVNGENCO 3 đủ điều kiện và đã đăng ký mua cổ phần ưu đãi theo tiêu chuẩn làm việc trong khu vực Nhà nước là: 2.271 người, với tổng số 1.544.300 cổ phần, chiếm 0,0742% vốn điều lệ.
    - Số CBCNVC - LĐ của EVNGENCO 3 đủ điều kiện mua cổ phần ưu đãi nhưng không đăng ký mua là: 0 người.

### *2.2.2. Chào bán thêm cho cán bộ công nhân viên có cam kết làm việc và cán bộ công nhân viên có trình độ cao*

Cổ phần CBCNVC-LĐ mua theo hình thức đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần theo khoản 2 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ.

Căn cứ Biên bản số 5609/BB-GENCO3 ngày 12/10/2015 và Biên bản số 2790A/BB-GENCO3 ngày 18/8/2017 về Hội nghị Người lao động công tác CPH Công ty mẹ - EVNGENCO 3 đã thông qua tiêu chí xác định chuyên gia giỏi, lao động có trình độ nghiệp vụ cao, tổng số CBCNVC - LĐ của EVNGENCO 3 tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (31/8/2017) là: 2.478 người, số CBCNVC-LĐ của EVNGENCO 3 đủ điều kiện mua cổ phần ưu đãi mua thêm theo quy định là: 2.454 người, trong đó:

- Số CBCNVC-LĐ đăng ký mua thêm theo cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần là: 691 người với tổng số cổ phần: 1.879.800 cổ phần, chiếm 0,0903% số cổ phần, bao gồm:
    - Người lao động là chuyên gia giỏi, có trình độ nghiệp vụ cao: 222 người, cổ phần đăng ký mua thêm: 1.008.500 cổ phần, chiếm 0,0484% số cổ phần.
    - Người lao động khác: 469 người, cổ phần đăng ký mua thêm: 871.300 cổ phần, chiếm 0,0419% số cổ phần.
- Số CBCNVC - LĐ đủ điều kiện nhưng không đăng ký mua cổ phần ưu đãi mua thêm là: 1.763 người với 3.528.600 cổ phần.

### *2.2.3. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán*

Người lao động thanh toán tiền mua cổ phần bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo thông báo của EVNGENCO 3.

### *2.2.4. Tổng hợp phương án phát hành cho người lao động*

**Bảng 22: Tổng hợp phương án phát hành cho người lao động**

| T T | Đối tượng | Số cổ phần (cổ phần) | Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND) | Tỷ lệ/ VĐL |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Cổ phần bán ưu đãi cho CBCNV theo thâm niên công tác | 1.544.300 | 15.443.000.000 | 0,0742% |
| 2 | Cổ phần bán ưu đãi cho CBCNV theo cam kết làm việc tiếp cho công ty cổ phần | 1.879.800 | 18.798.000.000 | 0,0903% |
| | **Tổng cộng** | **3.424.100** | **34.241.000.000** | **0,1645%** |

*Nguồn: Phương án cổ phần hóa EVNGENCO 3*

### *2.2.5. Thời gian dự kiến triển khai*

Từ kết quả bán đấu giá cổ phần ra bên ngoài công chúng thành công, EVNGENCO 3 tiến hành bán cổ phần và thu tiền mua cổ phần của người lao động đã đăng ký mua.

Lịch trình dự kiến như sau:

**Bảng 23: Lộ trình dự kiến phát hành cổ phiếu cho người lao động**

| Nội dung công việc | Thời gian dự kiến (ngày) |
|---|---|
| Thời điểm có kết quả bán đấu giá | T |
| Thông báo giá mua cổ phần (theo kết quả bán đấu giá) đến Người lao động | T + 5 |
| Người lao động đăng ký, cam kết mua và nộp tiền mua cổ phần vào tài khoản phong tỏa | T + 20 |
| Báo cáo kết quả bán cổ phần cho Người lao động lên các cấp có thẩm quyền | T + 30 |

*Nguồn: EVNGENCO 3*

## 2.3. Chào bán cho nhà đầu tư chiến lược

### *2.3.1. Tiêu chí lựa chọn NĐT chiến lược*

**Tiêu chí lựa chọn Nhà đầu tư chiến lược**

Căn cứ văn bản số 33/BCT-TC ngày 03/01/2018 của Bộ Công Thương về việc triển khai Quyết định số 2100/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về công tác cổ phần hóa EVNGENCO 3, tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược cơ bản như sau:

- Có đủ tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật;
- Có năng lực tài chính và có kết quả hoạt động kinh doanh 03 năm gần nhất tính đến thời điểm đăng ký mua cổ phần có lãi, không có lỗ lũy kế;
- Ưu tiên Nhà đầu tư là các tổ chức hoặc liên danh có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực năng lượng hoặc kỹ thuật công nghệ liên quan đến sản xuất kinh doanh điện năng (quản lý, vận hành nhà máy điện, cung cấp than, cung cấp nhiên liệu LNG, bảo trì, bảo dưỡng, EPC, OEM, …) hoặc nhà đầu tư có năng lực thu xếp tài chính, có khả năng hỗ trợ EVNGENCO 3 thu xếp vốn đầu tư các dự án điện trong tương lai;
- Ưu tiên nhà đầu tư có Phương án hỗ trợ doanh nghiệp sau cổ phần hoá trong việc chuyển giao công nghệ mới; đào tạo nguồn nhân lực; nâng cao năng lực tài chính; quản trị doanh nghiệp; cung ứng nguyên vật liệu.
- Có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền khi đăng ký trở thành nhà đầu tư chiến lược của doanh nghiệp cổ phần hóa về những nội dung sau:

+ Tiếp tục duy trì, phát triển ngành nghề sản xuất kinh doanh điện năng và thương hiệu của doanh nghiệp cổ phần hóa trong thời gian ít nhất ba (03) năm kể từ thời điểm chính thức trở thành nhà đầu tư chiến lược.

+ Không chuyển nhượng số cổ phần được mua trong thời hạn năm (05) năm kể từ ngày công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần lần đầu hoạt động theo Luật doanh nghiệp.

+ Các nghĩa vụ bồi thường khi vi phạm cam kết đã ký với mức bồi thường xác định theo thiệt hại thực tế.

+ Nhà nước có quyền định đoạt đối với toàn bộ số lượng cổ phần nhà đầu tư chiến lược mua khi vi phạm các cam kết đã ký.

### *2.3.2. Phương án phát hành cho NĐT chiến lược*

***a) Đối tượng phát hành:***

Là các nhà đầu tư thỏa mãn các tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

***b) Phương thức phát hành và giá bán:***

+ **Về phương thức bán**

**Theo phương thức thỏa thuận trực tiếp hoặc đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược.**

***Bán theo phương thức thỏa thuận trực tiếp:***

Trong trường hợp có tối đa 03 NĐT chiến lược đăng ký tham gia mua cổ phần và số cổ phần NĐT chiến lược đăng ký mua tối đa bằng số cổ phần bán ra cho NĐT chiến lược.

***Bán theo phương thức đấu giá:***

Trong trường hợp có tối đa 03 NĐT chiến lược đăng ký tham gia mua cổ phần và số cổ phần đăng ký mua lớn hơn số cổ phần bán ra cho NĐT chiến lược hoặc trong trường hợp có trên 03 NĐT chiến lược đăng ký tham gia mua cổ phần.

Trong trường hợp thực hiện theo phương thức đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược: thực hiện bán đấu giá cổ phần giữa các nhà đầu tư chiến lược tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

+ **Về giá bán**

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ. Trường hợp bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược theo hình thức đấu giá thì thực hiện đấu giá tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

***c) Số lượng chào bán***

Số lượng chào bán cho nhà đầu tư chiến lược là 749.124.000 cổ phần, giá trị theo mệnh giá là 7.491.240.000.000 đồng tương đương 36% vốn điều lệ CTCP.

***d) Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán***

Nhà đầu tư chiến lược thanh toán tiền mua cổ phần theo nội dung trong Hợp đồng mua/bán cổ phần giữa các bên.

***e) Quy trình lựa chọn nhà đầu tư chiến lược***

Quy trình bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược bao gồm các bước trong bảng sau:

**Bảng 25: Quy trình bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược**

<table>
<tr><th>T</th><th>27-12-17</th><th colspan="2">Phê duyệt phương án CPH</th></tr>
<tr><td>T+8</td><td>04-01-18</td><td colspan="2">Công bố thông tin tìm NĐTCL trên các phương tiện thông tin đại chúng.<br>Gửi thư cho các NĐTCL đã có tên trong danh sách.</td></tr>
<tr><td>T+13</td><td>09-01-18</td><td colspan="2">Tổ chức gặp mặt NĐT chiến lược quan tâm, ký NDA.</td></tr>
<tr><td>T+14</td><td>10-01-18</td><td colspan="2">Chuẩn bị dataroom, giải đáp câu hỏi của NĐT</td></tr>
<tr><td>T+19</td><td>15-01-18</td><td colspan="2">Hết thời hạn tiếp nhận hồ sơ đăng ký. Lựa chọn phương thức bán.</td></tr>
<tr><td></td><td></td><td>BÁN THỎA THUẬN<br>Trường hợp bán thỏa thuận: thông báo để NĐT nộp cọc (tỷ lệ cọc do Ban chỉ đạo quyết định).</td><td rowspan="2">ĐẤU GIÁ<br>Trường hợp bán đấu giá: Báo cáo Bộ Công Thương về danh sách NĐT đăng ký mua.</td></tr>
<tr><td>T+20</td><td>16-01-18</td><td>Hết thời hạn nộp cọc, Báo cáo Bộ Công thương DS NĐT đủ điều kiện tham gia bán thỏa thuận.</td></tr>
<tr><td>T+43</td><td>08-02-18</td><td colspan="2">Hết thời hạn cung cấp thông tin và giải đáp câu hỏi của NĐT</td></tr>
<tr><td>T+44</td><td>09-02-18</td><td>Thông báo giá đấu thành công bình quân cho các NĐT.</td><td>Thông báo giá đấu thành công bình quân kèm thông báo nộp cọc cho các NĐT.</td></tr>
<tr><td>T+48</td><td>13-02-18</td><td>Ký Hợp đồng mua bán cổ phần.</td><td>Hết hạn nhận đặt cọc, lựa chọn phương thức bán:<br>- Trong trường hợp không thỏa mãn điều kiện bán đấu giá: Báo cáo Bộ Công Thương để chuyển sang bán thỏa thuận.<br>- Trong trường hợp thỏa mãn điều kiện đấu giá: Tiếp tục thực hiện theo bước T+61 dưới đây</td></tr>
<tr><td>T+61</td><td>26-02-18</td><td>NĐT nộp tiền mua cổ phần</td><td>Tổ chức đấu giá</td></tr>
<tr><td>T+68</td><td>05-03-18</td><td>Báo cáo kết quả bán thỏa thuận.</td><td>Ký Hợp đồng mua bán cổ phần</td></tr>
<tr><td>T+72</td><td>09-03-18</td><td></td><td>NĐT nộp tiền mua cổ phần</td></tr>
<tr><td>T+75</td><td>12-03-18</td><td></td><td>Báo cáo kết quả bán đấu giá</td></tr>
</table>

Các mốc thời gian có thể thay đổi tuỳ thuộc vào yêu cầu thực tế của quá trình lựa chọn NĐTCL và sự phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền.

(*) EVN tiến hành lựa chọn nhà đầu tư chiến lược cho EVNGENCO 3 thông qua đàm phán hoặc đấu giá. Việc lựa chọn NĐTCL được tiến hành sau khi hoàn tất IPO (dự kiến vào 09/02/2018). Phương thức bán cổ phần cho NĐTCL theo quy định tại Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 và Phương án cổ phần hóa được duyệt.

## 3. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ CỔ PHẦN HÓA

**Bảng 26: Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa**

*Đơn vị: Đồng*

| STT | NỘI DUNG | GIÁ TRỊ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| I | Giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm XĐGTDN | 10.613.552.335.518 | Theo kết quả XĐGTDN |
| II | Vốn điều lệ tại Công ty CP | 20.809.000.000.000 | |
| III | Giá trị CP EVN nắm giữ tại Công ty CP (51% VĐL) | 10.613.000.000.000 | II*51% |
| **IV** | **Kế hoạch thu** | **25.066.964.088.000** | |
| 4.1 | - CP bán cho người lao động | 69.036.948.000 | |
| *i* | *- Bán ưu đãi cho người lao động* | *22.793.868.000* | Theo Nghị định 59/2011/NĐ-CP, Điều 48, khoản 1,(tạm tính 60% giá khởi điểm) |
| *ii* | *- Bán theo cam kết làm việc* | *46.243.080.000* | Theo Nghị định 59/2011/NĐ-CP, Điều 48, Khoản 2 (tạm tính giá khởi điểm) |
| 4.2 | - Bán cho nhà đầu tư chiến lược | 18.428.450.400.000 | Theo NĐ126/2017/NĐ-CP, Điều 6, Khoản 3, điểm d, (tạm tính theo giá khởi điểm) |
| 4.3 | - Bán đấu giá công khai | 6.569.476.740.000 | Tạm tính theo giá khởi điểm |
| 4.4 | Phần dư do làm tròn số vốn Nhà nước/vốn điều lệ tại doanh nghiệp | 552.335.518 | |
| **V** | **Tổng giá trị cổ phần phát hành thêm tính theo giá khởi điểm** | **25.082.160.000.000** | |
| **VI** | **Sử dụng tiền thu từ bán cổ phần** | **25.066.964.088.000** | |
| 6.1 | Để lại doanh nghiệp phần giá trị tương ứng với số CP phát hành thêm tính theo mệnh giá | 10.196.000.000.000 | |
| 6.2 | Thặng dư vốn sau khi trừ chi phí CPH và chi phí lao động dôi dư | 0 | NĐ126, Đ39 |
| *6.2.1* | *Chênh lệch giữa tiền thu từ CPH và giá trị của CP phát hành thêm tính theo giá khởi điểm (6.2 = VI - V)* | *-15.195.912.000* | |
| *6.2.2* | *Chi phí CPH (*)* | *12.064.818.990* | |
| *6.2.3* | *Chi phí giải quyết lao động dôi dư* | *0* | |
| 6.3 | Thặng dư vốn sau khi trừ chi phí CPH và chi phí lao động dôi dư để lại CTCP (6.3 = 6.2*49% nếu 6.2>0) | 0 | |
| **6.4** | **Số tiền để lại CTCP (6.4 =6.1+6.3 )** | **10.196.000.000.000** | **NĐ126, Đ39** |
| **6.5** | **Số tiền nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp DN (6.5 = VI-6.4-6.2.2-6.2.3+4.4 )** | **14.859.451.604.528** | **NĐ126, Đ39** |

## 4. LỘ TRÌNH NIÊM YẾT, ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH SAU CỔ PHẦN HÓA

Khi đăng ký bán đấu giá cổ phần lần đầu qua Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh Tổng công ty sẽ đồng thời thực hiện đăng ký lưu ký và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCOM theo quy định tại Thông tư 115/2016/TT-BTC ngày 30/06/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Trong trường hợp Tổng công ty đủ điều kiện để niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán, Tổng công ty sẽ thực hiện thủ tục niêm yết ngay khi đạt đủ điều kiện theo quy định.

## 5. CÁC BÊN CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

### 5.1. Đại diện Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ -Tổng công ty Phát điện 3

***Ông Dương Quang Thành: Chủ tịch Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam***

***Trưởng BCĐ CPH Tổng công ty Phát điện 3***

Bản công bố thông tin này do Doanh nghiệp cổ phần hóa và Tổ chức tư vấn lập đã được Ban chỉ đạo cổ phần hóa thông qua.

### 5.2. Đại diện Tổ chức phát hành

***Ông Đinh Quốc Lâm: Tổng Giám đốc Tổng công ty Phát điện 3***

Chúng tôi cam kết tất cả thông tin và số liệu liên quan đến Tổng công ty Phát điện 3 trong Bản công bố thông tin này là trung thực, chính xác và đầy đủ với tình hình thực tế của doanh nghiệp và theo đúng quy định của pháp luật về cổ phần hóa.

### 5.3. Đại diện Tổ chức tư vấn

#### *5.3.1. Đại diện Tổ chức tư vấn bán đấu giá cổ phần*

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt**

***Ông Nguyễn Quang Bảo:*** ***Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Hà Nội - Công ty cổ phần Chứng khoán Bản Việt***

(*Giấy Ủy quyền số 07/2015/QĐ.VCSC ngày 01/07/2015 về việc ủy quyền Phó tổng giám đốc ký thay Tổng giám đốc*)

***5.3.2. Đại diện tổ chức tư vấn xây dựng Phương án cổ phần hóa***

**Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực**

***Ông Hoàng Mạnh Hải:*** ***Phó Tổng Giám đốc Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực***

(*Giấy Ủy quyền số 33/UQ-TCĐL ngày 17/8/2015 của Tổng Giám đốc Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực*)

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Tổ chức tư vấn lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với EVNGENCO 3. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do EVNGENCO 3 cung cấp.

## PHẦN 6: KẾT LUẬN

Bản công bố thông tin được cung cấp cho nhà đầu tư nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá tài sản, nguồn vốn, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Tổng công ty Phát điện 3 trước khi đăng ký mua cổ phần.

Bản công bố thông tin được lập trên cơ sở Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Phát điện 3 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các thông tin, số liệu do Tổng công ty Phát điện 3 cung cấp theo quy định, đảm bảo tính công khai, minh bạch và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các nhà đầu tư. Việc đánh giá, lựa chọn thông tin và ngôn từ trong Bản công bố thông tin này được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng.

Chúng tôi cũng không thực hiện phân tích, đưa ra bất kỳ ý kiến đánh giá nào với hàm ý đảm bảo giá trị cổ phiếu. Nhà đầu tư khi đầu tư phải tự đưa ra ý kiến và tự chịu trách nhiệm về các

quyết định của mình. Do đó, nhà đầu tư trước khi tham gia đấu giá cần tìm hiểu thêm thông tin về doanh nghiệp, cũng như việc tham gia phải bảo đảm rằng việc đăng ký mua hay thực hiện giao dịch được/sẽ thanh toán bằng nguồn tiền hợp pháp, đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Bản công bố thông tin này được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có thắc mắc, tranh chấp phát sinh thì bản tiếng Việt sẽ có giá trị tham chiếu.

***Hà Nội, ngày 5 tháng 01 năm 2018***

**ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA**
**TRƯỞNG BAN**
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN**
**TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM**

**Dương Quang Thành**

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA**
**TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3**
**- CÔNG TY TNHH MTV**
**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Đinh Quốc Lâm**

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN BÁN ĐẤU GIÁ**
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT**
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC KIÊM GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH HÀ NỘI**

**Nguyễn Quang Bảo**

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN CPH**
**CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC**
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Hoàng Mạnh Hải**